

Luôn Luôn Tốt Hơn



Rạng đông[®]
Since 1960

Rạng đông[®] HOLDINGS

Trụ sở : 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM, Việt Nam
Điện thoại : (84-28) 3969 2272
Fax : (84-28) 3969 2843
E-mail : nhuarangdong@rdplastic.vn
Website : www.rdplastic.com.vn | www.rangdongshop.com
Facebook : www.facebook.com/rdplastic
Tax : 0300384357

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Rạng đông[®] LONG AN

Trụ sở : Lô H1, H2, H3, H4, H7, H8, H9, đường số 3, 8, 9,
Khu công nghiệp Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ,
huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
Điện thoại : (84-272) 3777 800
Fax : (84-272) 3777 310



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018

Kiến Tạo Thời Kỳ Hưng Thịnh & Phồn Vinh



Rạng đông

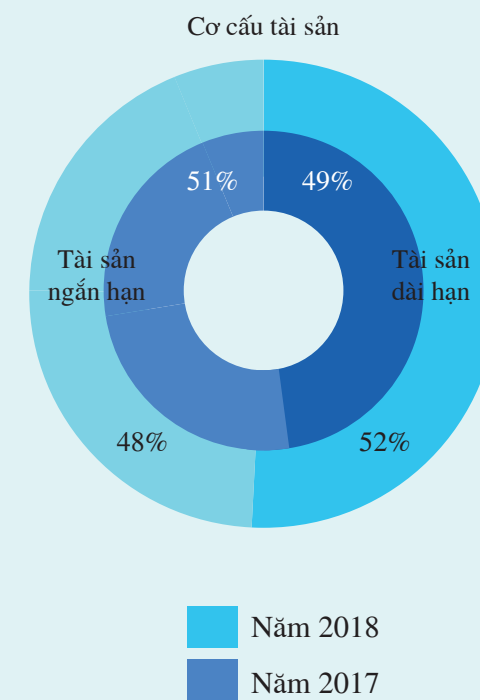
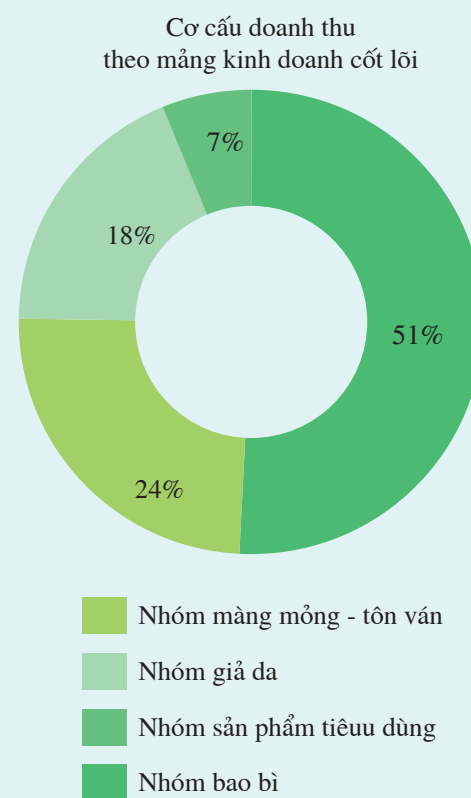
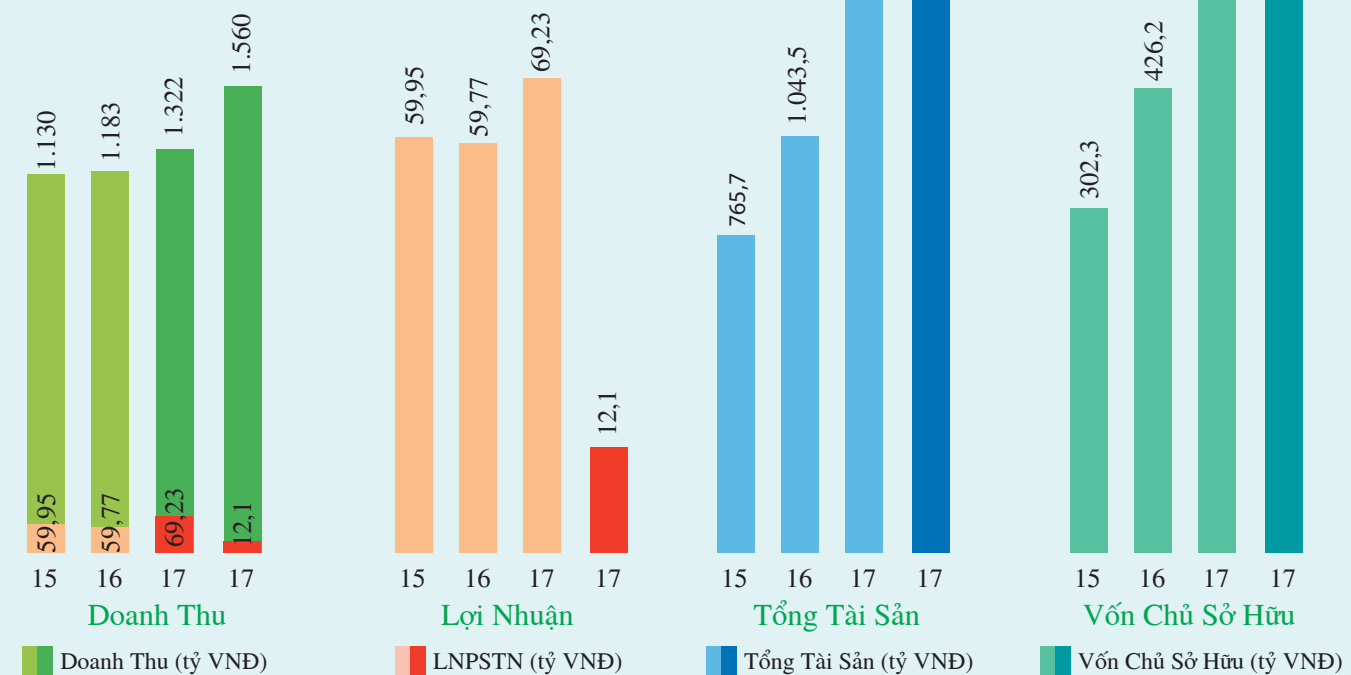
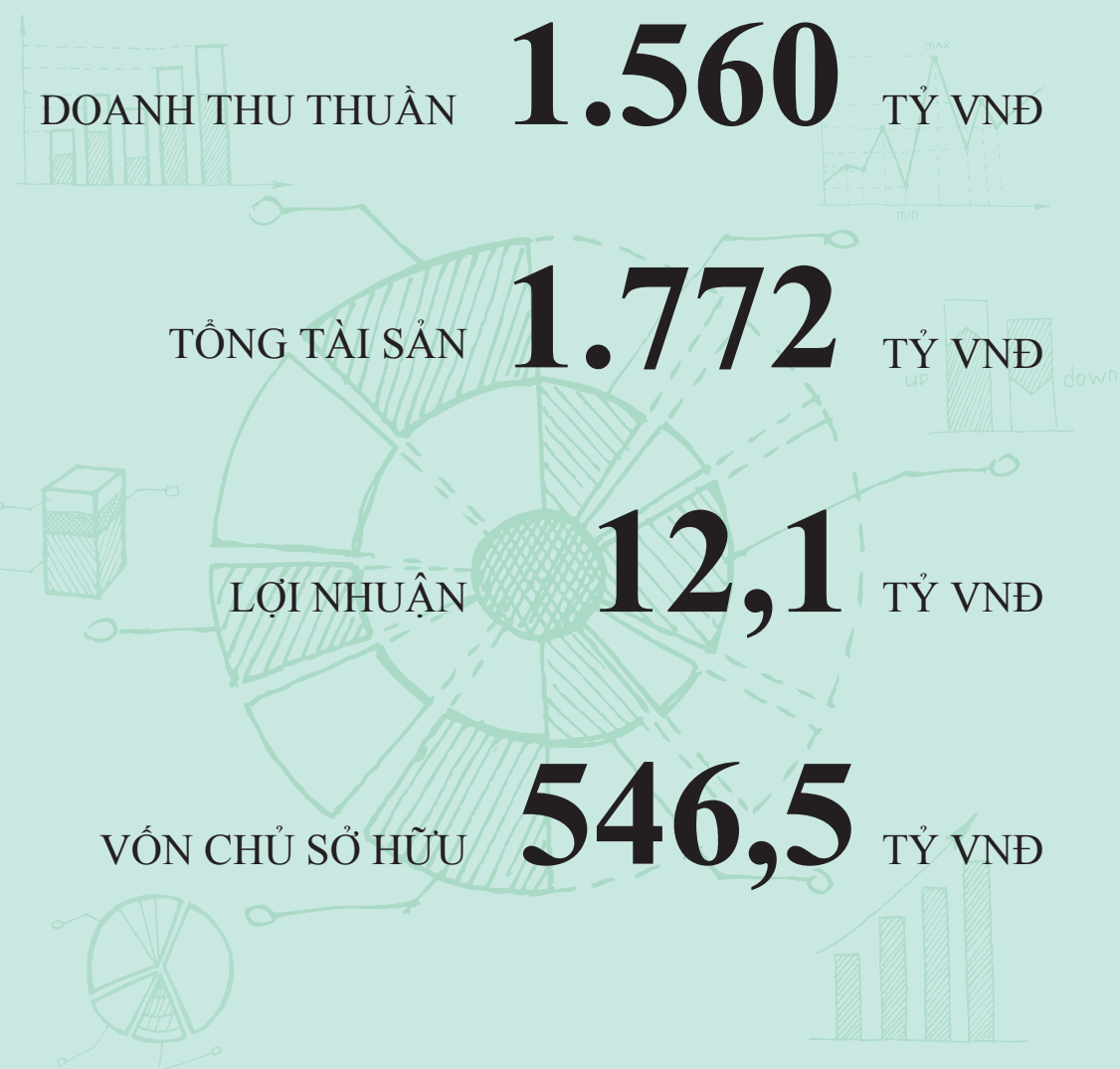
LỄ KHÁNH THÀNH
CỔ PHẦN NHỰA **Rạng đông** - LONG AN
MONY OF **Rạng đông** - LONG AN PLASTIC JOINT-STOCK
8 - 01/2018 May 18th 2018



Luôn Tốt Hơn

03	KẾT QUẢ KINH DOANH
06	THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT
08	GIỚI THIỆU CÔNG TY
09	Thông tin chung về Công ty
09	Tầm nhìn - Sứ mạng - Giá trị cốt lõi
10	Lịch sử hình thành và phát triển
12	Sơ đồ cơ cấu tổ chức
14	Sự kiện nổi bật
15	Các chứng chỉ danh giá: ISO, FSSC 22000, SMETA
16	Giải thưởng đạt được năm 2018
18	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019
20	Các thông tin tài chính cơ bản 2017-2018
22	Báo cáo tài chính năm 2017-2018
24	Tình hình sản xuất 2018
26	5 nhóm ngành nghề kinh doanh
27	Cơ cấu doanh thu theo nhóm ngành
28	Địa bàn kinh doanh & kênh phân phối
30	Các hoạt động đầu tư
31	Nghiên cứu và phát triển
32	Công tác di dời máy móc
34	Phân tích S.W.O.T
36	Quản trị rủi ro
38	Định hướng chiến lược phát triển
40	Sơ đồ tổ chức 2019
42	Mô hình hoạt động 2019 - các công ty con và công ty liên kết
44	BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
46	Hội đồng Quản trị
48	Ban điều hành
49	Báo cáo hoạt động Ban kiểm toán nội bộ
50	Thay đổi nhân sự Ban Quản trị Công ty
52	Việc thực hiện quy định về quản trị công ty
54	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD
55	Thông tin cổ đông, cổ phần
56	Quá trình tăng vốn điều lệ
58	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
58	Tổng quan phát triển bền vững
60	Các mục tiêu của Liên Hiệp Quốc
62	Chỉ số tăng trưởng kinh tế
63	Trách nhiệm xã hội
66	Bảo vệ môi trường
70	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
108	THÔNG TIN LIÊN HỆ

KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT 2018



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam



Kính Thưa Quý Cổ Đông, Khách Hàng & CBCNV

Vượt qua chặng đường 60 năm đầy thăng trầm, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông luôn tự hào là một doanh nghiệp tiên phong trong ngành nhựa, nắm giữ thị phần lớn trong các doanh nghiệp nội địa tại Việt Nam. “Luôn luôn tốt hơn” là giá trị cốt lõi, khẳng định trong suốt chặng đường phát triển và được minh chứng qua thành quả lao động sáng tạo của công ty.

Thưa Quý Cổ đông, trong những năm gần đây, chúng ta đang chứng kiến một thế giới đang thay đổi, khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Song song đó nhiều hiệp định thương mại được ký kết, nền kinh tế mở cửa sâu rộng, tạo ra sân chơi đầy tiềm năng nhưng cũng nhiều thách thức. Một trật tự mới được thiết lập, đặt ra những thách thức cho các định chế cũ, đồng thời mở ra cơ hội to lớn cho những doanh nghiệp tiên phong. Và công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông quyết tâm đứng trong đội ngũ những nhà lãnh đạo kiến tạo nền kinh tế mới.

2018 GIAI ĐOẠN TÍCH LŨY VỀ NỘI LỰC

Để tạo sự thay đổi về chất trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo xác định năm 2018 là giai đoạn tích lũy về nội lực trên mọi khía cạnh: hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn quốc tế, đầu tư trang thiết bị máy móc, vận hành thành công SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp, xây dựng các nền tảng hợp tác với các đối tác chiến lược... để chuẩn bị cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai. Tổng số tiền được đầu tư trong năm 2018 là 250,58 tỷ đồng.

Song song với công tác đầu tư cơ sở vật chất, Ban lãnh đạo quyết tâm thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng doanh số. Năm 2018, doanh số đạt kết quả khả quan như sau:

- Doanh thu: 1.560 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 12,095 tỷ đồng
- Mục tiêu 2019: doanh thu 2.000 tỷ đồng, tăng 29,14%

So với kế hoạch đặt ra năm 2018, doanh thu công ty đạt 103,1%, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 24% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do công ty tập trung đầu tư vào máy móc, hạ tầng, đồng thời công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An bắt đầu hoạt động vào tháng 4 nên sản xuất chưa ổn định.

Bên cạnh các chỉ tiêu tài chính, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tiếp tục giữ vững vị thế trong ngành và đón nhận các đánh giá tích cực và thứ hạng cao trên các bảng xếp hạng uy tín về quản trị doanh nghiệp:

- 12 năm liên tiếp đạt Thương hiệu Quốc gia. 22 năm liên tiếp đạt Hàng Việt Nam chất lượng cao. Top 5 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất,
- Chứng kiến nhiều hoạt động khởi sắc trong hoạt động kinh doanh, bằng chứng là Ban lãnh đạo liên tục tiếp các công ty trên thế giới đến tham quan, đánh giá tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An. Các văn kiện hợp tác chiến lược, các hợp đồng đầu tư lâu dài đã được ký kết sau các buổi đánh giá

Doanh thu năm 2018
1.560 tỷ VNĐ

- Trong năm 2018, công ty liên tiếp đạt được 4 chứng nhận danh giá về quản trị hệ thống ISO 22000: 2018, ISO 9001: 2015, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong sản xuất FSSC 22000, SMETA. Tạo cơ sở vững chắc trên con đường hội nhập thế giới.
- Mở rộng danh mục sản phẩm mới thông qua việc đầu tư hệ thống máy móc: sản xuất ống luồn dây điện, ống thủy canh, màng nông nghiệp.

TRIỂN VỌNG TƯƠNG LAI

Triển vọng tương lai của công ty được khẳng định thông qua chiến lược kinh doanh đã xây dựng kỹ lưỡng, phù hợp, chương trình hành động, kế hoạch triển khai cụ thể như sau:

- Xây dựng mô hình hoạt động Rạng Đông Holdings thành tập đoàn đa ngành, lấy hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa làm cốt lõi, các công ty thành viên và công ty liên kết xây dựng thành chuỗi cung ứng khép kín cùng phát triển.
- Thành lập Công ty Rạng Đông Healthcare tại khu công nghiệp Tân Đô - Long An, chuyên sản xuất các sản phẩm cho ngành y tế, giai đoạn 1 xuất khẩu sang thị trường Mỹ, giai đoạn 2 sẽ bán trong nước và xuất khẩu các nước khác.
- Doanh thu đến năm 2020 đạt: 2.500 tỷ đồng

Tất cả chương trình hành động trên mang đến một niềm tin mạnh mẽ vươn tới đỉnh cao mới và một tương lai tươi sáng rạng rỡ. Ban lãnh đạo cùng 600 CBCNV cam kết hoàn thành kế hoạch được đề ra. Năm 2019 sẽ trở thành một dấu mốc quan trọng trên hành trình vẻ vang “Tiên phong Kiến tạo thời kỳ mới”

Thay mặt Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông, Tôi gửi lời tri ân đến Quý Cổ Đông, các đối tác và khách hàng đã đồng hành cùng Chúng tôi qua suốt chặng đường phát triển của công ty.

Kính chúc Quý Cổ đông cùng gia đình nhiều sức khỏe hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Hồ Đức Lam



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung

Tầm nhìn - Sứ mạng - Giá trị cốt lõi

Lịch sử hình thành và phát triển

Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Sự kiện nổi bật

Các chứng chỉ danh giá: ISO, FSSC 22000, SMETA

Giải thưởng đạt được năm 2018

GIỚI THIỆU CHUNG

Khát vọng vươn lên trở thành một tập đoàn hùng mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo của từng thành viên trong công ty, cung ứng những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại mỗi thành viên của công ty cho điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và một cuộc sống đầy đủ về vật chất lẫn phong phú về tinh thần.

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông	GCNĐKKD:	0300384357
Tên tiếng Anh:	Rạng Đông Plastic Join - Stock Co.	Trụ sở chính:	90 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM
Tên viết tắt:	RDP JSC.	Điện thoại:	(84-28) 3969 2272 – Fax: 3768 7410
Mã chứng khoán:	RDP	Website:	http://rdplastic.com.vn/
Vốn điều lệ:	339.428.620.000 VND	Email:	nhuarangdong@rdplastic.vn



TÂM NHÌN

Bằng khát vọng xây dựng thương hiệu Việt vững mạnh, hướng đến một Tập đoàn mang tầm vóc quốc tế, Rạng Đông Holding kinh doanh đa ngành nghề trong đó ngành kinh doanh liên quan tới Nhựa được lấy làm trọng tâm.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



- Đoàn kết trong từng bộ phận làm việc
- Chuyên nghiệp trong từng thao tác
- Chất lượng trong từng sản phẩm
- Tiết kiệm trong từng hoạt động
- Sáng tạo trong từng công việc
- Năng suất hiệu quả
- Hợp tác trong từng đối tác
- Đóng góp cộng đồng, xã hội
- Thân thiện môi trường
- Phát triển bền vững

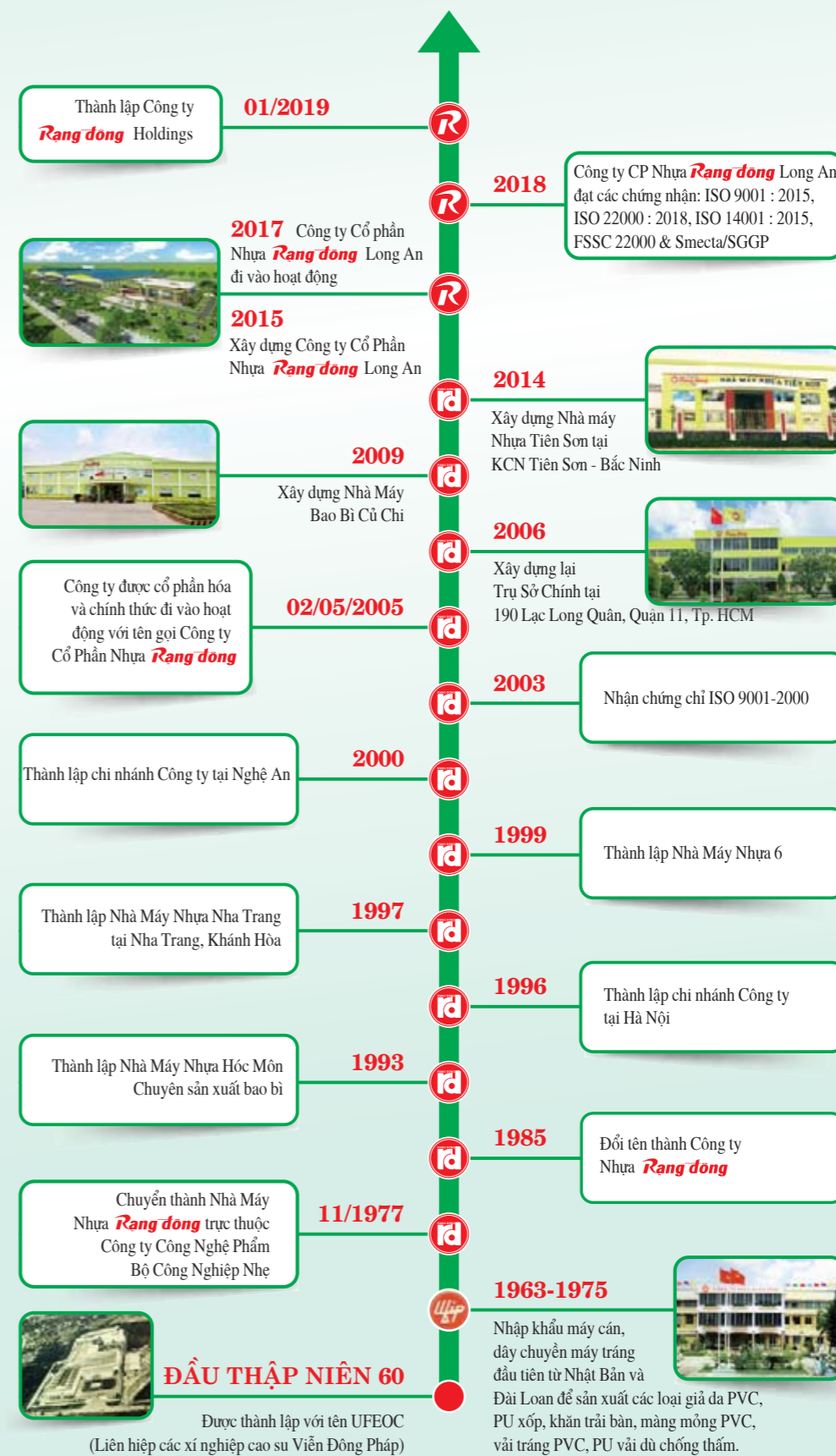


SỨ MỆNH

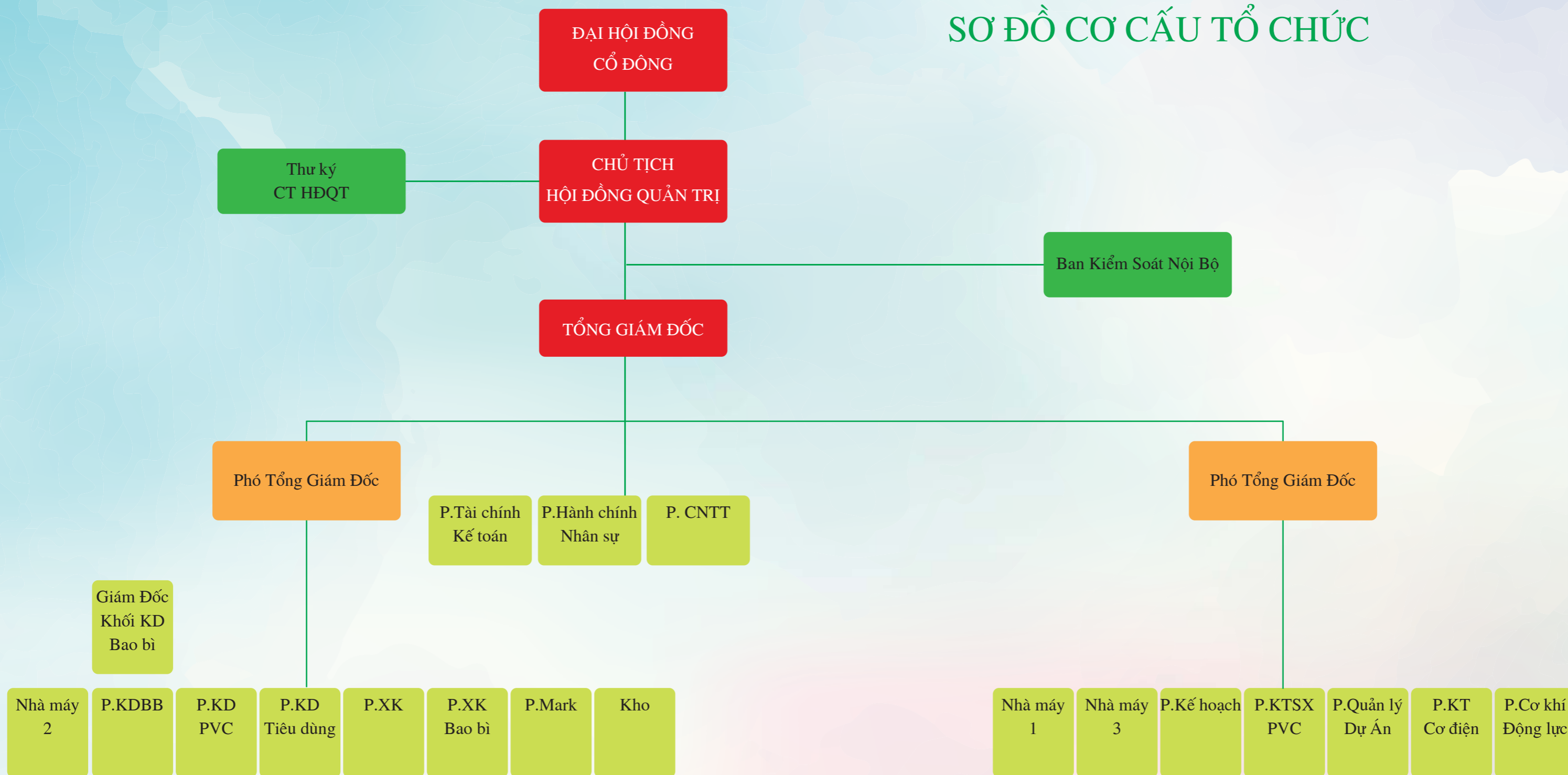
Sản xuất và cung ứng các sản phẩm nhựa với chất lượng cao nhất, hiệu quả nhất, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, đối tác, người lao động, cổ đông và xã hội

DẤU ẤN 60 NĂM PHÁT TRIỂN (LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN)

Gần sáu thập kỷ phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là hành trình tiên phong khai phá, dẫn đầu trong các lĩnh vực sản xuất: màng mỏng, giả da, bao bì mềm... Chặng đường dẫn thân đó không chỉ giúp công ty trở thành thương hiệu hàng đầu trong ngành nhựa Việt Nam mà còn truyền cảm hứng tiên phong cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, cùng góp phần làm hưng thịnh quốc gia.



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



SỰ KIỆN NỔI BẬT 2018



18/05/2018

Đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Rạng Đông khi công ty đưa công ty con vào hoạt động: Công Ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An. Với quy mô 8.7 ha, tổng số vốn đầu tư giai đoạn 1 là 32 triệu USD. Trong đó Tập Đoàn Sojitz Pla-Net Nhật Bản là cổ đông chiến lược góp 20% cổ phần. Phát biểu tại lễ khánh thành, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, chia sẻ: "Công Ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông Long An sẽ mở ra vận hội mới cho công ty nói riêng và ngành nhựa trong nước nói chung. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục cố gắng, nỗ lực không ngừng lao động, sáng tạo và sản xuất để Rạng Đông mãi mãi là biểu tượng của những sản phẩm chất lượng, an toàn. Xứng đáng là đơn vị dẫn đầu trong công cuộc phát triển của ngành nhựa Việt Nam, cùng với mục tiêu trở thành Top 10 các công ty cung cấp các sản phẩm phụ trợ về nhựa nổi bật của Châu Á"

1. Golive SAP - ERP - 04/2018 đã chính thức vận hành (Go-live) thành công hệ thống quản trị SAP-ERP tại 3 địa điểm: Công Ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông Long An. Dự án SAP-ERP là một bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ vào việc xây dựng hệ thống Quản trị Doanh nghiệp hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

2. Hội chợ Complas Việt Nam 2018: Đến với triển lãm Complas, công ty đã giới thiệu, tư vấn đến đông đảo khách hàng quốc tế và trong nước những sản phẩm thể mạnh trong lĩnh vực bao bì mềm: đơn lớp, đa lớp, bao bì phức hợp, màng co PE, PET, PVC.... Gian hàng của công ty thu hút khách tham quan, các khách hàng tiềm năng đến tìm hiểu công nghệ kỹ thuật, giải pháp đóng gói trong ngành bao bì mềm

3. Đài truyền hình VTV9 bình chọn sản phẩm Rạng Đông là "hàng tiêu dùng thông minh", thân thiện với môi trường, an toàn với người sử dụng. Danh hiệu trên là minh chứng cho quá trình phát triển bền vững của công ty, đặt lợi ích người tiêu dùng làm trọng tâm cho mọi sự phát triển.

4. Nhà tài trợ đồng "Ngày hội nhà cung cấp AMCHARM SUPPLIER DAY 2018": nhằm mục tiêu là phát triển thương hiệu cũng như là tìm kiếm nguồn khách hàng mới, giao lưu với nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ. Qua đó mở ra những con đường mới cho sự phát triển của khối KD nói riêng và toàn thể công ty nói chung.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ ISO, FSSC 22000



NĂM 2018, BỘI THU VỀ CÁC CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ HỆ THỐNG - CÔNG TY CP NHỰA RẠNG ĐÔNG LONG AN TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ LỚN TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG.

1. ISO 9001: 2015

Sau gần 06 tháng di dời văn phòng & các nhà máy về địa điểm mới, tập thể CBNV Công ty CP nhựa Rạng Đông Long An đã tập trung xây dựng thành công Hệ thống quản lý quan trọng nhất, cơ bản nhất là ISO 9001: 2015 (Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu) - Được đánh giá cấp chứng nhận bởi Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) lớn nhất Việt Nam. Sau 6 tháng thực hiện triển khai áp dụng hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015 đã mang lại cho doanh nghiệp rất nhiều hiệu quả tích cực về một Hệ thống quản lý rất bài bản & chuyên nghiệp từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các Nhà máy & phòng ban, mọi thứ đều được đo lường & kiểm soát. Đặc biệt các chỉ số sản xuất, kinh doanh được thể hiện rất rõ ràng, đó là: Năng suất tăng, Chất lượng tốt & ổn định đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chi phí sản xuất giảm, số lượng khách hàng tăng, doanh thu tăng & lợi nhuận cùng kỳ tăng, v.v...

2. ISO 22000: 2018

Trong 06 tháng cuối năm tập thể CBNV Công ty RPL tiếp tục xây dựng áp dụng các tiêu chuẩn quản lý hệ thống an toàn thực phẩm cho Nhà máy sản xuất bao bì mềm (NM3).

Vào đầu tháng 01/2019 Công ty cổ phần nhựa Rạng Đông Long An tiếp tục đón nhận thêm chứng nhận ISO 22000 : 2018 (Hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm - Các yêu cầu các tổ chức trong chuỗi an toàn thực phẩm) sau 05 tháng tập trung nguồn lực xây dựng. Thực tế đây là một chứng chỉ rất uy tín, có nhiều yêu cầu khắt khe bắt buộc tuân thủ trong quản lý sản xuất các sản phẩm liên quan đến an toàn thực phẩm còn ít công ty tại Việt Nam đạt được. Bằng cách tiếp cận dựa trên rủi ro đã biến tiêu chuẩn này thành

một công cụ quản lý giúp các Doanh Nghiệp kiểm soát & phòng ngừa tối đa các rủi ro về An toàn thực phẩm - Tạo lòng tin rất lớn cho khách hàng tiêu dùng. Với tư cách là nhà sản xuất các sản phẩm bao bì an toàn thực phẩm, cần tuân thủ tuyệt đối các quy tắc quản lý chất lượng từ nguyên liệu đầu vào tới khâu sản phẩm đầu ra, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An tự hào là những đơn vị đi đầu trong việc xây dựng áp dụng đạt chứng nhận ISO 22000: 2018. Đây cũng là một bước đột phá mạnh mẽ, khẳng định vị thế của Công ty cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An trên thị trường trong nước & quốc tế.

3. FSSC 22000 PHIÊN BẢN 4.1

Chưa dừng lại ở chứng chỉ ISO 22000:2018, ngày 21/01/2019 Công ty cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An tiếp tục vinh dự đón nhận chứng chỉ FSSC 22000 phiên bản 4.1 (Chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm /được tài trợ bởi CIAA /Hiệp hội ngành đồ uống và thực phẩm của EU) do tổ chức đánh giá chứng nhận Quốc tế SGS cấp. Đây thực sự là một bước tiến xa & đột phá mạnh mẽ nhất trong công tác quản trị chất lượng an toàn thực phẩm đối với các doanh nghiệp sản xuất bao bì tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 là một trong những tiêu chuẩn phát triển về sản xuất bao bì an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế với các yêu cầu cao nhất, khắt khe nhất về cả Hệ thống quản lý phần mềm & Cơ sở vật chất nhà xưởng, máy móc thiết bị phân cứng cùng với nhiều yêu cầu về con người & môi trường làm việc.

4. ISO 14001:2015; SMETA /SGP.

Ngoài 03 chứng chỉ quan trọng & giá trị nêu trên, Công ty CP nhựa Rạng Đông còn xây dựng & áp dụng các tiêu chuẩn cần thiết khác như:

- ISO 14001:2015 (Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu).
- SEDEX-SMETA /SGP: Tiêu đạo đức kinh doanh & trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng toàn cầu

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC 2018

12
năm liên tiếp
ĐẠT DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



22
năm liên tiếp
ĐẠT DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



15
năm liên tiếp
ĐẠT DANH HIỆU SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



5
TOP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

2 lần liên tiếp ĐẠT DANH HIỆU SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP & CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TIÊU BIỂU TP. HỒ CHÍ MINH





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019

CÁC THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2017-2018

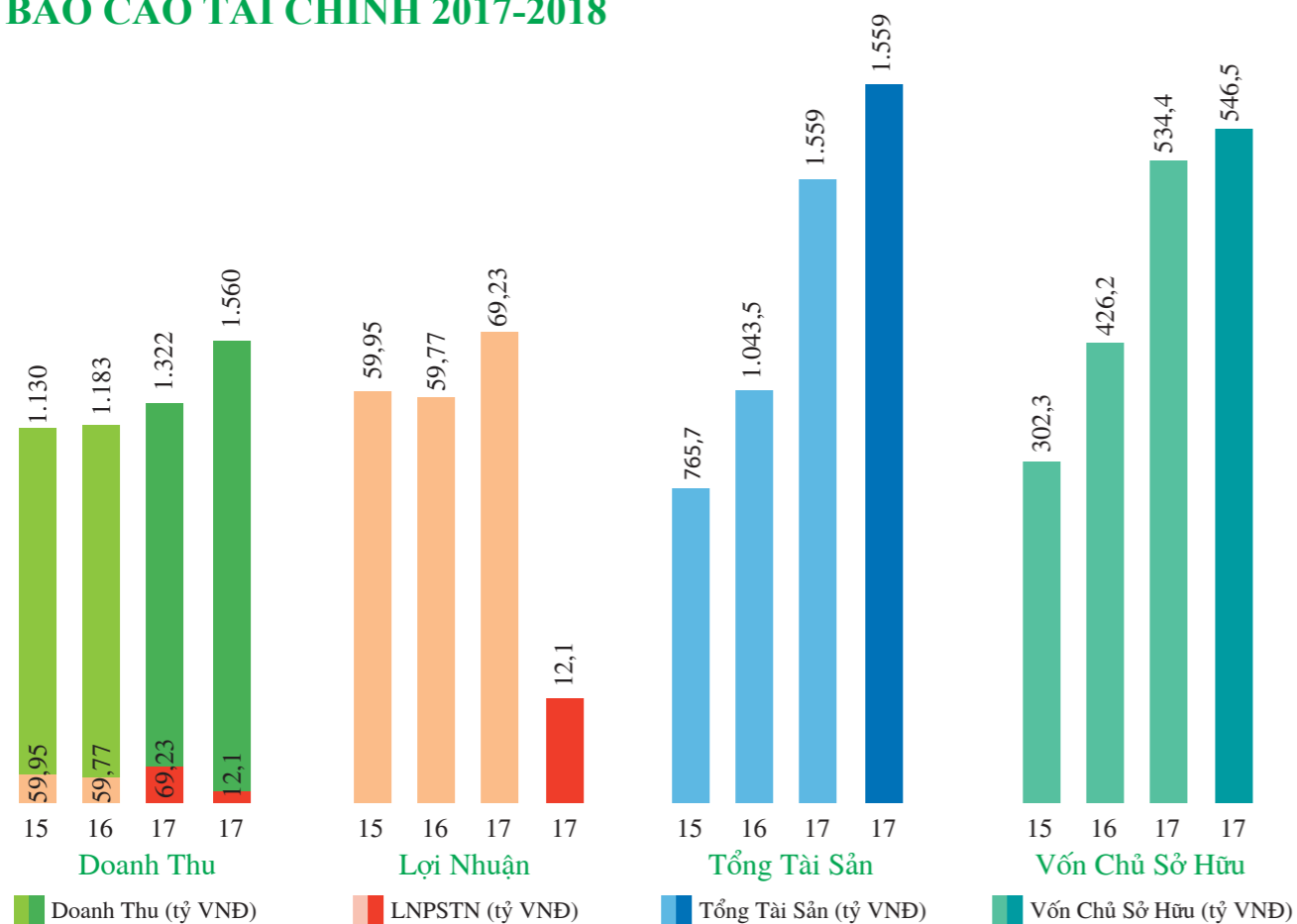
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018 (đồng)	Năm 2017 (đồng)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.560.702.567.371	1.336.342.026.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8.773.381.403	14.104.191.852
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.551.929.185.968	1.322.237.834.210
4. Giá vốn hàng bán	11	1.412.105.646.614	1.214.207.936.335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	139.823.539.354	108.029.897.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.835.539.245	2.101.513.711
7. Chi phí tài chính	22	46.998.340.992	35.105.432.293
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	46.935.268.951	34.315.994.520
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	85.926.752	-
9. Chi phí bán hàng	25	35.826.247.418	27.524.228.847
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	45.901.298.271	60.777.915.372
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14.019.118.670	(13.276.164.926)
12. Thu nhập khác	31	9.776.967.163	397.608.809
13. Chi phí khác	32	620.227.559	24.020.241.997
14. Lợi nhuận khác	40	9.156.739.604	(23.622.633.188)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.175.858.274	(36.898.798.114)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.751.258.452	20.912.361.196
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.328.862.051	(2.528.757.100)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.095.737.771	(55.282.402.210)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	23.103.890.829	(54.789.880.689)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	11.008.153.058	(492.521.521)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	790	(2.019)

Các Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,04	1,09	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,64	0,76	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	69,16	65,72	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	224,31	192	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
- Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,74	4,91	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	0,85	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,78	-4,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,57	-10,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,68	-3,55	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,9	-1,00	

STT	Các Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	% thực hiện
1	Doanh thu	triệu đồng	1.551.929	1.500.000	103,45%
2	Chi phí	triệu đồng	1.537.910	1.437.500	106,99%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	triệu đồng	14.019	62.500	22,43%
4	Lợi nhuận khác	triệu đồng	9.157		
5	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	23.176	62.500	37,08%
h6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	12.096	50.000	24,19%

STT	Các Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	tăng/giảm	% tăng/giảm
1	Doanh thu	triệu đồng	1.551.929	2.004.164	452.235	29,14%
2	Chi phí	triệu đồng	1.537.910	1.936.747	398.837	25,93%
3	L.nhuận từ HĐ k.doanh	triệu đồng	14.019	67.416	53.397	380,89%
4	Lợi nhuận khác	triệu đồng	9.157	0	-9.157	
5	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	23.176	67.416	44.240	190,89%
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	12.096	55.174	43.078	356,13%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017-2018



So với năm 2017: Công ty đạt doanh thu 1.560 tỷ, tăng trưởng 16,7% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt được 12 tỷ đồng, tăng 179% so với năm 2017.

So với kế hoạch do hội đồng quản trị đặt ra: Công ty đạt 103,4% kế hoạch doanh thu. Lợi nhuận sau thuế đạt 24% so với kế hoạch, tương ứng 12 tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty mệ gánh các khoản chi phí đầu tư tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An. Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh tháng 05/2018 nên chưa đạt công suất thiết kế của nhà máy.



1. TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản năm 2018 tăng 13,6% tương ứng tăng 213 tỷ với các chỉ tiêu chính như sau:

- Hàng tồn kho tăng 86 tỷ, tương ứng tăng 35,7% so với năm 2017.
- Tài sản cố định tăng 331 tỷ, tương ứng tăng 76% so với năm 2017 chủ yếu từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An.
- Các khoản phải thu giảm 78 tỷ, tương ứng giảm 14,8% so với năm 2017.



2. KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2018, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,76 xuống còn 0,64 – tức là một đồng nợ ngắn hạn thì có 0,64 đồng tiền mặt có thể thanh toán cho nhà cung cấp. Về khả năng thanh toán ngắn hạn thì hệ số giảm từ 109 xuống còn 104 – tức là một đồng nợ ngắn hạn có 104 đồng tài sản có tính thanh khoản cao.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	2018	2017
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,04	1,09
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,64	0,76

3. KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/	2018	2017	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,78	- 4,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,21	-10,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,68	-3,55	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,9	-1	

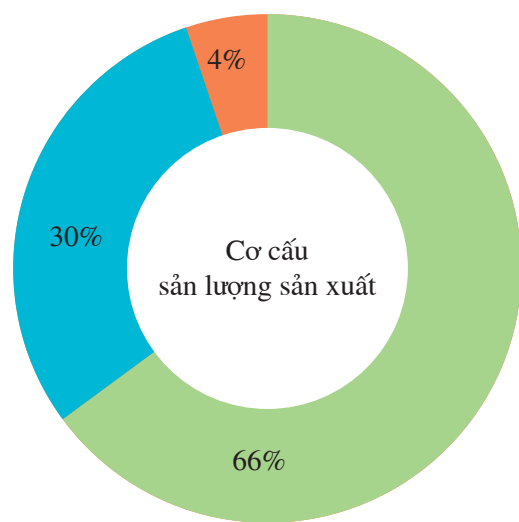
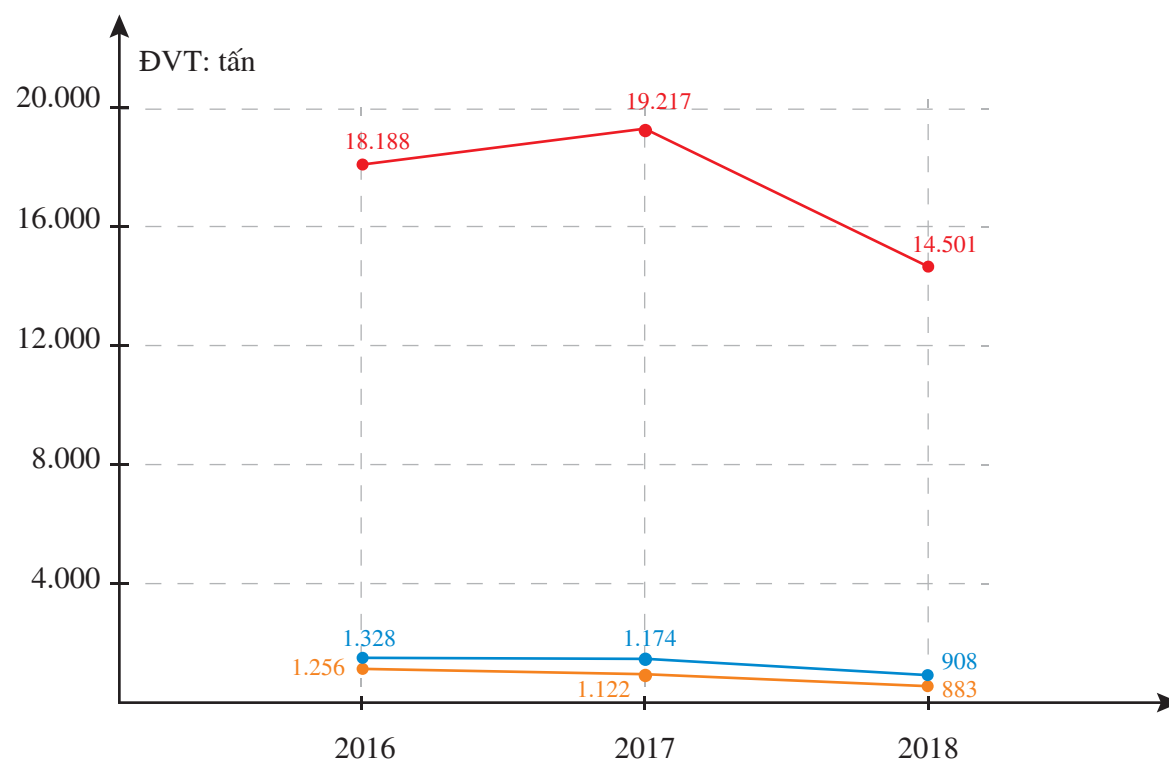
4. NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	2018	2017	Ghi chú
+ Vòng quay hàng tồn kho			
- Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,74	4,91	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	0,85	

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng

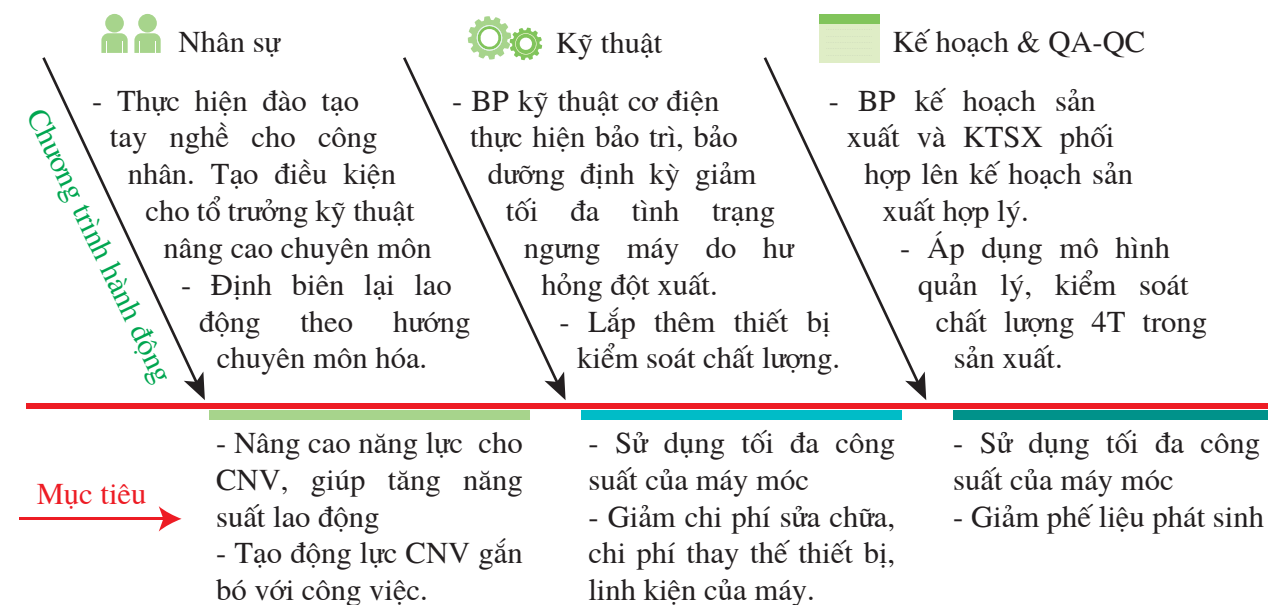
STT	Nguyên vật liệu	Số lượng 2018 (tấn)	Số lượng 2017 (tấn)	Mức tăng/ giảm (%)
1	Nguyên liệu chính	14.501,32	19.217,20	-24,5%
2	Phụ gia	908,62	1.174,56	-22,65%
3	Phụ liệu	11,58	0	100%
4	Màng nhựa, giấy	883,75	1.122,76	-21,3%



■ Công nghệ thối
■ Công nghệ cán
■ Công nghệ đùn

- Trong năm 2018, tình hình sản xuất giảm do công tác di dời máy móc thiết bị về Nhà máy Long An.
- Năng lực sản xuất của máy chỉ đạt 80% do trong quá trình di dời, lắp ráp xảy ra tình trạng thiếu thiết bị, thay thiết bị mới.
- Sự biến động về nhân sự sản xuất tay nghề cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.
- Riêng Nhà máy 1 đã nhanh chóng ổn định sản xuất trong 4 tháng đầu năm, nên năng suất trung bình của nhà máy 1 tăng 104,5% so với năm 2017

b. Giải pháp tổng thể:

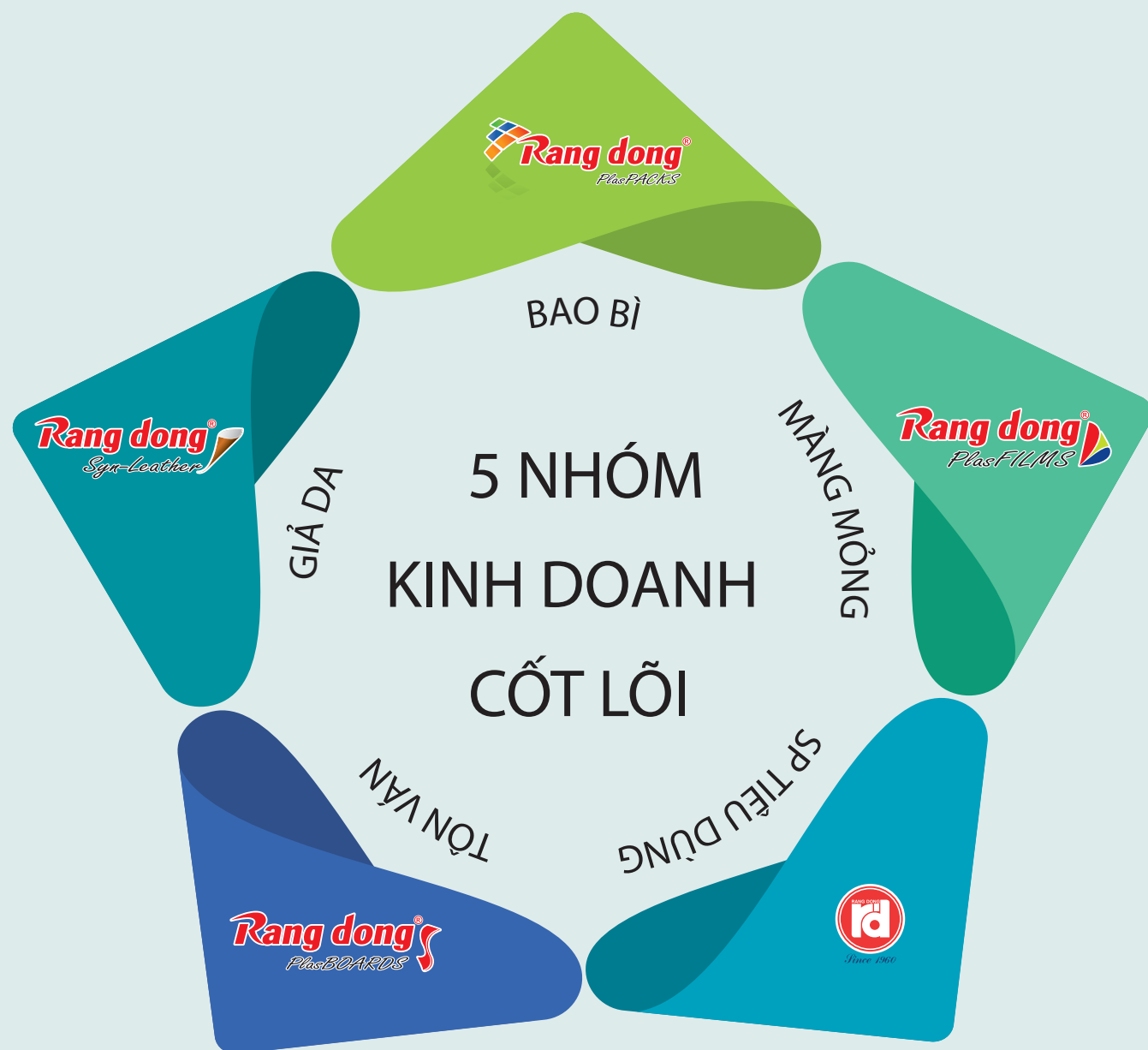


c. Kế hoạch sản xuất năm 2019

- Năm 2018 là giai đoạn ổn định sản xuất sau quá trình di dời xuống Long An, tạo bước ngoặt phát triển cho tương lai. Công ty mở rộng quy mô sản xuất, tăng sản lượng, thông qua các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị máy móc như sau:
 - * Hệ thống máy đùn, sản xuất ống luồn dây điện, ống thủy canh
 - * Hệ thống máy thổi cho nhà máy Tiên Sơn
 - * Hệ thống máy cán để tăng sản lượng 14% cho nhà máy 1
 - * Dây chuyền máy in 9 màu của Ý với năng suất đạt 70 triệu m²
 - * Máy dán túi 4 biên 4 cạnh nhập từ Nhật
 - * 2 dây chuyền máy cắt dán túi tự động 3 cạnh
- Với kế hoạch đầu tư trang thiết bị máy móc, hệ thống sản xuất công nghệ mới... là tiền đề cho nhà máy nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng

- Trong năm qua, công ty chứng kiến những hoạt động khởi sắc của khối kinh doanh và khối sản xuất, cụ thể là công ty liên tiếp đón các đối tác, tập đoàn nước ngoài đến tham gia, đánh giá tại các nhà máy. Sau các buổi đánh giá các hợp đồng hợp tác lâu dài được ký kết, mở ra triển vọng tươi sáng cho khối sản xuất tăng trưởng:
 - * Sản phẩm áo y tế, với sản lượng 16.8000 triệu áo, đóng góp vào sự tăng trưởng 8% cho khối sản xuất
 - * Khu vực sản xuất giả da đã ký hợp đồng cung ứng lâu dài cho khách hàng Camco trong 5 năm, sản lượng tăng 20%
 - * Đối với những khách hàng thân thiết như Keystone - Proman, Vedan... có bước phát triển mới khi đối tác tăng sản lượng đơn hàng cho những năm tiếp theo.

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty tập trung 5 nhóm hàng chính:
Màng mỏng, giả da, bao bì, tiêu dùng, tôn ván



Bên cạnh đó, các công ty con và công ty liên kết sẽ cung cấp một số dịch vụ phụ trợ khép kín như: vận tải, nguyên phụ liệu...

1 - NHÓM BAO BÌ



Màng Nông Nghiệp



Stretch Hood, Stretch Films

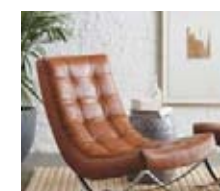


Bao Bì Phức Hợp



PE Co Có In, Không In

2 - NHÓM GIẢ DA



Giả Da Nội Thất



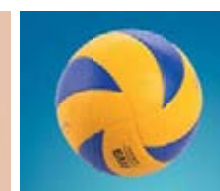
Giả Da Ngoài Trời



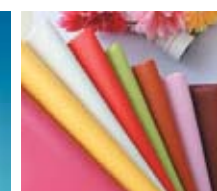
Giả Da Thời Trang



Giả Da Giày Dép



Giả Da Thể Thao



Giả Da Đặt Hàng

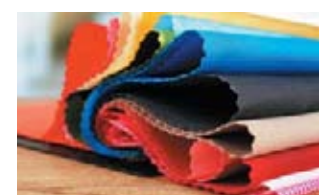
3 - NHÓM MÀNG MỎNG



Màng PVC



Màng PE, EVA, PEVA



Vải Trắng



Vải Cán Ghép Nhựa PVC

4 - NHÓM TÔN VÁN



Nhóm Tôn



Nhóm Tôn

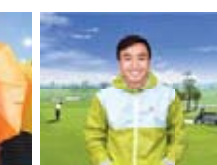


Nhóm Ván Màu

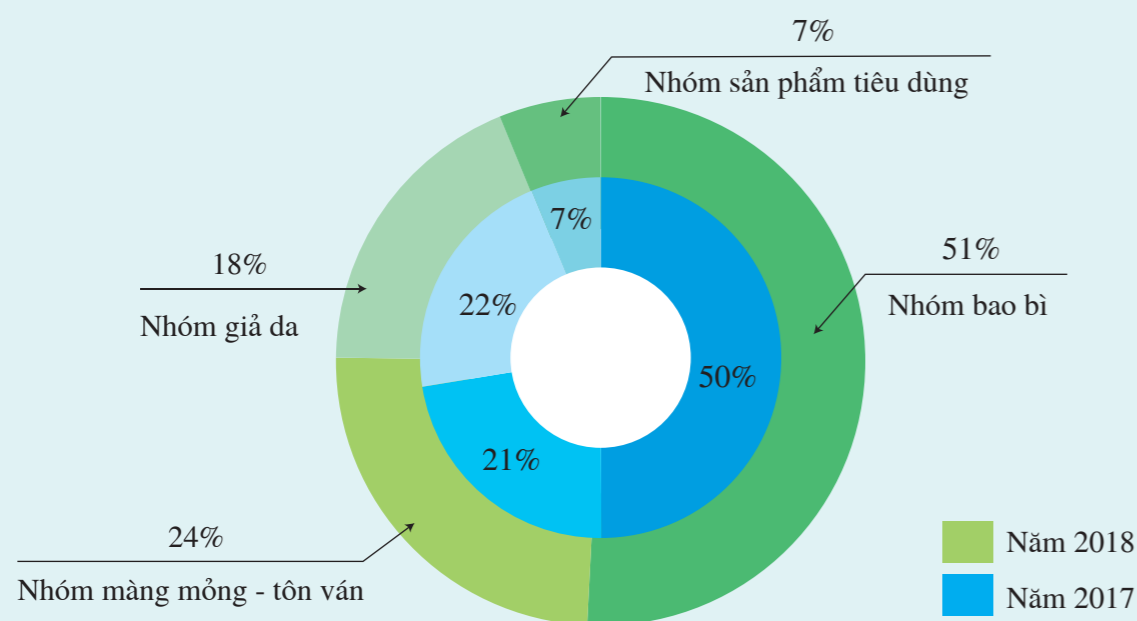


Nhóm Ván In Hoa

5 - NHÓM TIÊU DÙNG



CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM



Năm 2018 là năm chuyển mình, khi công ty hoàn thành công việc di dời với khối lượng lớn máy móc trong thời gian ngắn, đồng thời đảm bảo sản lượng, tiến độ sản xuất và doanh số theo yêu cầu. Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng doanh số công ty tăng trưởng 16,7% so với 2017, lợi nhuận sau thuế tăng 179% so với năm 2017, trong đó:

- Nhóm bao bì duy trì vị trí dẫn đầu về việc đóng góp doanh số cho công ty, chiếm 50% tỉ trọng.
- Nhóm màng mỏng, tôn ván: năm 2018, công ty thực hiện chính sách bán hàng mới cho các nhà phân phối và đại lý, thúc đẩy doanh số bán hàng, tỉ trọng chiếm 24% tăng 3% so với năm 2017
- Nhóm giả da: doanh số giảm so với năm 2017, nguyên nhân thiết bị máy móc di dời, lắp đặt chưa ổn định, ảnh hưởng đến sản lượng giao hàng.
- Nhóm sản phẩm tiêu dùng: giữ vững thị trường và doanh số

Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến doanh số:

- Cạnh tranh không lành mạnh của hàng giả, hàng nhái, hàng tiểu ngạch Trung Quốc.
- Giá nguyên liệu đầu vào thường xuyên biến động ảnh hưởng giá bán.
- Quá trình di dời máy móc về Long An làm ảnh hưởng đến sản xuất, sản lượng giảm, không đáp ứng kịp nhu cầu thị trường, đặc biệt sản phẩm màng mỏng, giả da, tôn ván.

Các nhân tố tạo bước đột phá trong kinh doanh năm 2019

- Tình hình xây dựng cơ sở vật chất hoàn thiện
- Công ty tập trung kiện toàn bộ máy tổ chức, phát triển nguồn nhân lực vững mạnh.
- Công ty ký kết nhiều hợp đồng với các đối tác lớn trong và ngoài nước, tạo tiền đề mảng xuất khẩu phát triển
- Thành lập Công ty RangDong Medical tại khu công nghiệp Tân Đô - Long An, chuyên sản xuất các sản phẩm cho ngành y tế, giai đoạn 1 xuất khẩu sang thị trường mỹ, giai đoạn 2 sẽ bán trong nước và xuất khẩu các nước khác
- Duy trì máy móc thiết bị hoạt động ổn định, giảm thiểu số giờ dừng máy do sự cố thiết bị.
- Tiếp tục củng cố, mở rộng hệ thống đại lý bán hàng trên cơ sở xây dựng các chính sách đại lý đảm bảo hài hòa quyền lợi, cạnh tranh lành mạnh của hệ thống đại lý
- Xây dựng chính sách tồn kho nguyên liệu, thành phẩm hợp lý để đối phó với những biến động của thị trường nguyên liệu, đảm bảo hàng hóa cung cấp cho thị trường.
- Rà soát định mức, kiểm tra công tác sản xuất theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh nhưng vẫn duy trì chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu của cửa khách hàng

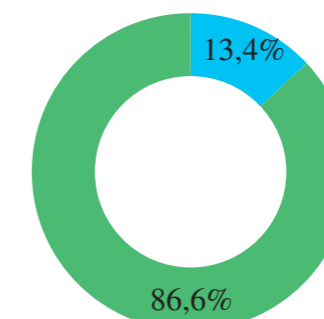
ĐỊA BÀN KINH DOANH & KÊNH PHÂN PHỐI

Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối sâu rộng, lớn nhất cả nước, và các đối tác là tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Tính đến thời điểm 31/12/2018, địa bàn kinh doanh và kênh phân phối có các đặc điểm nổi bật như sau:

>80 khách hàng trong và ngoài nước (hơn một nửa là khách hàng thân thiết)

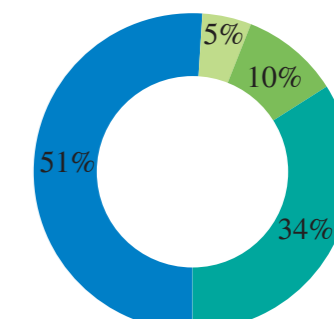
50 tỉnh thành trong cả nước có hệ thống đại lý, cửa hàng, nhà phân phối

162 siêu thị, chuỗi cửa hàng trên toàn quốc:



Tỉ trọng doanh thu trong nước & nước ngoài

- DT nước ngoài
- DT trong nước



Tỉ trọng doanh thu thị trường nước ngoài

- Bắc Mỹ
- Châu Phi
- Đức, Ý, Hà Lan
- Nhật, Hàn, Trung Quốc, Asean, Trung Đông



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

31,350 tỷ đồng

LÀ TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC PHÊ DUYỆT NĂM 2018.

GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/12/2018:

10,580 tỷ đồng

(~ 34% so với kế hoạch 2018)

Nguyên nhân là năm 2018, Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông Long An đi vào hoạt động và dần ổn định, các hạng mục đầu tư máy móc - thiết bị đã hoàn tất vào năm 2016 và 2017.

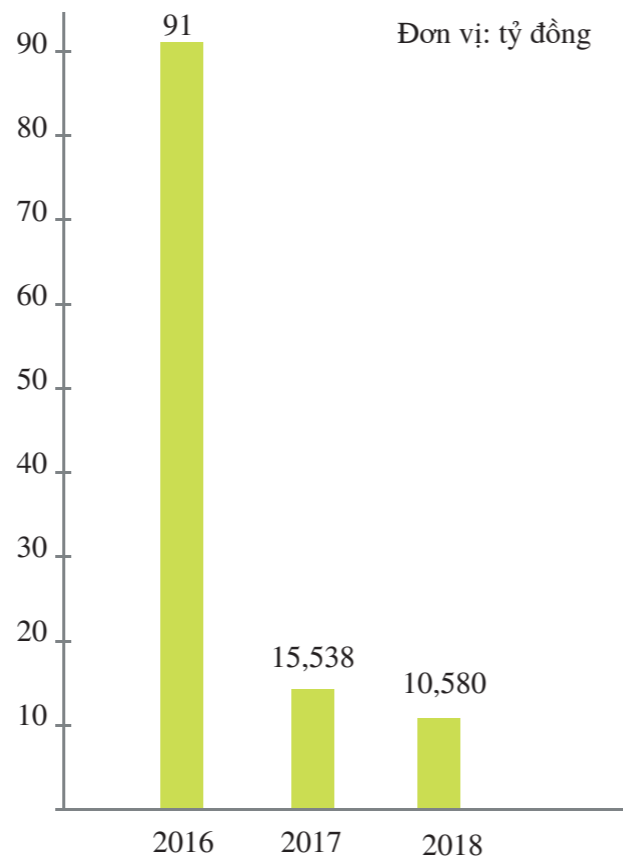
Các hạng mục đầu tư 2018 sẽ tạm hoãn để tập trung giải quyết những vấn đề trong kinh doanh, ổn định sản xuất.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ:

- Gia tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh
- Tăng năng suất lao động
- Nâng cao chất lượng sản phẩm để các sản phẩm chủ lực đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu...
- Mở rộng danh mục sản phẩm: ống luồn dây điện, áo y tế ...
- Đáp ứng điều kiện hợp tác sản xuất với các đối tác nước ngoài trong tương lai.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN:

- Đã hoàn thành nghiệm thu hầu hết các hạng mục.
- Chuẩn bị triển khai dự án điện mặt trời áp mái 4,5 MW là dự án năng lượng mặt trời áp mái đầu tiên có công suất lớn nhất trong các nhà máy sản xuất nhựa tại Việt Nam.



	STT	Hạng mục
Nhà máy Tiên Sơn	01	Lô cao su tay áo cho Bộ Corona máy Macchi 1
	02	Thanh Corrona máy macchi 1
Nhà máy Củ Chi	01	Board Servo profile controller Máy thổi 3 lớp - Reifenhauser (T4)
	01	Máy in phun Hitachi lắp cho máy ván PVC
	02	Máy in phun Hitachi lắp cho máy xử lý 2
	03	Máy in phun Hitachi lắp cho máy xử lý 1
	04	Máy kéo và máy cắt ống lõi PVC
	05	Máy xay PL PVC và nghiền bột
	06	Máy đùn 150mm + Die trón w800 + thêm điều khiển PLC
	07	Máy đùn 2 ống cứng PVC 16-63mm + Máy nong ống
	08	2 máy đùn ống mềm PVC gân xoắn 16-50mm
09	2 bộ điều khiển nước nóng 135oC cho nâng cấp máy C1	
Nhà máy 2	01	Máy in transfer tấm áo mưa
Nhà máy 3	01	Máy cắt dán túi đứng đáy rời
	02	2 bộ ESA cho máy in 12 màu
	03	Chi tiết khung, khí nén cho HT kiểm lỗi Keiki



NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM



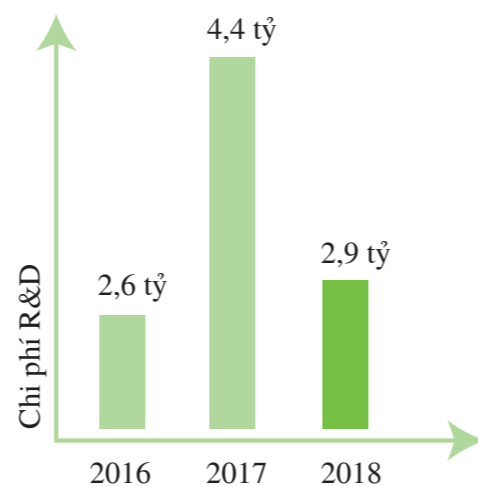
ĐẦU TƯ CHO NGHIÊN CỨU LÀ TIỀN ĐỀ ĐỂ CÓ HỆ SẢN PHẨM KHÁC BIỆT, TẠO LỢI THẾ CẠNH TRANH. HIỂU ĐƯỢC TẦM QUAN TRỌNG TRÊN, NĂM 2018 CÔNG TY CHÚ TRỌNG NGUỒN LỰC, TẬP TRUNG VÀO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM

Năm 2018, P.R&D đạt thành tựu nổi bật sau:

- Nghiên cứu thành công 2 đề tài cấp Bộ
 - * Công nghệ sản xuất vải Terry Loop, phục vụ cho công nghiệp sản xuất giả da PVC. Nghiên cứu sản xuất giả da PVC đạt độ mài mòn cao
 - * Hoàn thiện công nghệ sản xuất màng Stretchhood bọc Pallet thay thế sản phẩm nhập ngoại
- Phát triển 06 sản phẩm mới từ việc ứng dụng 2 đề tài cấp bộ để tạo sự khác biệt trong nhóm giả da, màng siêu mỏng
- Hợp tác chiến lược với các đơn vị nghiên cứu chuyên sâu, hướng đến việc kết nối công tác nghiên cứu ngoài nước

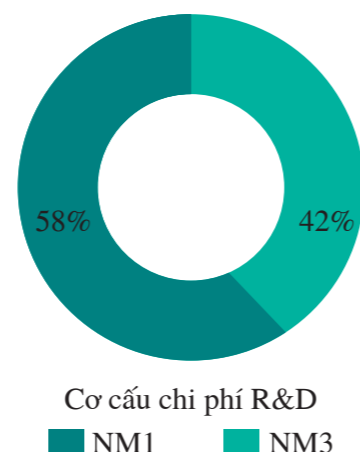
A. Thành tựu của nhà máy số 1:

- Sản xuất ống lõi hình thang và ván không độc để làm ống lắng Lamela cho các NM nước sinh hoạt đạt TC QCVN12:1-2011 BYT, AS/NZS 4020:2005
- Áo PE : áo y tế xuất đi Mỹ
- Sản phẩm giả da PVC chịu độ mài mòn bề mặt cao ứng dụng trong ghế ngồi xuất sang thị trường Mỹ.
- Sản phẩm giả da PVC đạt các tiêu chuẩn chậm cháy của Việt Nam, Anh, Mỹ ứng dụng trong xe ô tô.
- Dệt vải mới Terra Loop làm lớp lót trong các sản phẩm giả da, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.



B. Thành tựu của nhà máy số 3:

- Nghiên cứu và sản xuất thành công màng cà phê xuất khẩu Myanmar
- Nghiên cứu và sản xuất thành công màng co Pack lồng Pack
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công màng nắp ly, nắp sữa chua
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công bao bì retort
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công hơn 30 loại nguyên liệu mới có giá thành cạnh tranh.



CÔNG TÁC DI DỜI MÁY MÓC

- Bằng tất cả quyết tâm và nghị lực phải hoàn thành tốt sứ mệnh “DI DỜI - LẮP ĐẶT TRANG THIẾT BỊ MÁY MÓC”, hơn 60 CBCNV với 9.000 giờ lao động miệt mài đã hoàn thành đúng tiến độ và khối lượng công việc. Quả thật, đây là một thành quả rất lớn của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty đạt được trong năm 2018. Đặc biệt không xảy ra bất kỳ sự cố an toàn lao động trong quá trình thực hiện.
- Đến tháng 8/2018 nhà máy gần như đã hoàn thiện

việc lắp đặt và đưa vào vận hành toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị ; đảm bảo nguồn cung lao động ổn định phục vụ cho sản xuất.

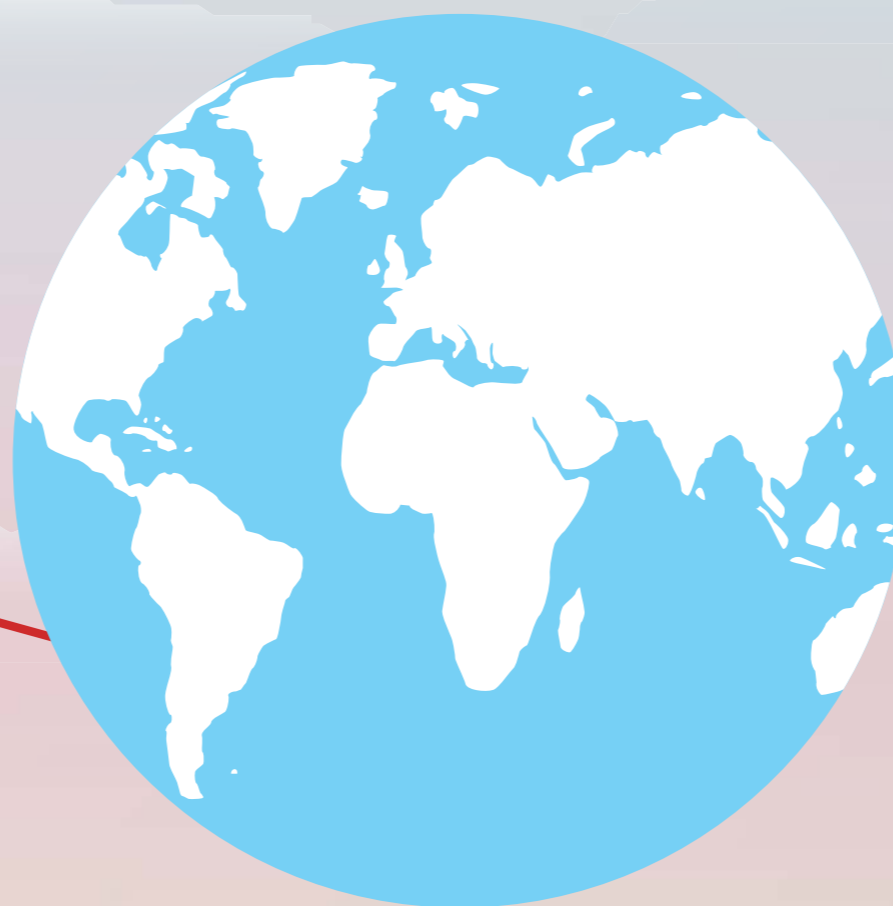
- 10/2018 hệ thống máy cán đã phát huy hiệu quả, gia tăng được năng suất so với trước, các sản phẩm màng PVC, giả da hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu của thị trường, bù đắp các tháng đầu năm sụt giảm doanh số do di dời máy móc; góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018.



ĐIỂM MẠNH

- Là thương hiệu lâu đời và uy tín trong ngành nhựa Việt Nam với bề dày kinh nghiệm sản xuất 60 năm.
- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An đi vào hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế sẽ đẩy mạnh chất lượng sản phẩm & gia tăng năng suất, sản lượng.
- Thiết lập mô hình quản lý tập đoàn để thúc đẩy chuyên môn hóa từng chức năng như lĩnh vực đầu tư tài chính, lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực kinh doanh thương mại, vận chuyển, kho bãi..
- Năm 2018, Công ty đã vượt qua những kiểm định khắt khe của các tổ chức kiểm định để đạt được những chứng chỉ quản lý chất lượng như ISO 9001 Quacert, ISO 22.000 Quacert, SMECTA và đặc biệt chứng chỉ FSSC 22.000, một trong những tiêu chuẩn khắt khe nhất đối với ngành bao bì thực phẩm, tạo tiền đề cho nhóm ngành bao bì phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước có tiêu chuẩn cao như: Nhật, Hàn, Châu Âu, Bắc Mỹ...
- Công nghệ được đầu tư và cải tiến. Nâng cao chính sách lao động giúp công ty đứng ở vị trí tiên phong trong ngành, kịp thời tiếp thu, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của thế giới.
- Chính sách chất lượng được công bố minh bạch, cam kết chịu trách nhiệm với mỗi đơn hàng giao cho đối tác.
- Chính sách bán hàng đến đại lý rõ ràng, công bằng, nhờ đó công ty đã xây dựng được hệ thống đại lý trung thành và gắn bó lâu năm với Công ty.
- Chính sách đầu tư hạ tầng thông tin Quản lý hệ thống nguồn lực SAP-ERP

S W O T



ĐIỂM YẾU

- 80% nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành nhựa nhập từ nước ngoài, nên chịu ảnh hưởng các yếu tố đầu vào như: tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế nhập khẩu,...
- Chi phí sản xuất còn cao do đầu tư máy móc thiết bị hiện đại.
- Thị trường xuất khẩu phát triển chưa đúng kỳ vọng.

CO HỘI

- 2018 GDP Việt Nam tăng 7,05% . Trong đó, tăng trưởng chính ở lĩnh vực chế biến, sản xuất là cơ hội cho ngành bao bì phát triển.
- Kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2019
- Các sản phẩm công ty như: Bao bì, giả da, màng nhựa mỏng ... là những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thiết yếu cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, đóng góp vào việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Điều kiện quan trọng để công ty phát triển nhanh và mạnh hơn trong những năm sắp tới là liên tục nghiên cứu, thử nghiệm dòng sản phẩm mới nhằm đa dạng hoá ngành hàng.
- Hoạt động liên kết thương mại và xuất khẩu được đẩy mạnh với mục tiêu tăng 40%/năm. Đặc biệt, công ty thâm nhập được các thị trường khó tính: Mỹ, Nhật, Châu Âu... mở ra cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường tiềm năng khác.

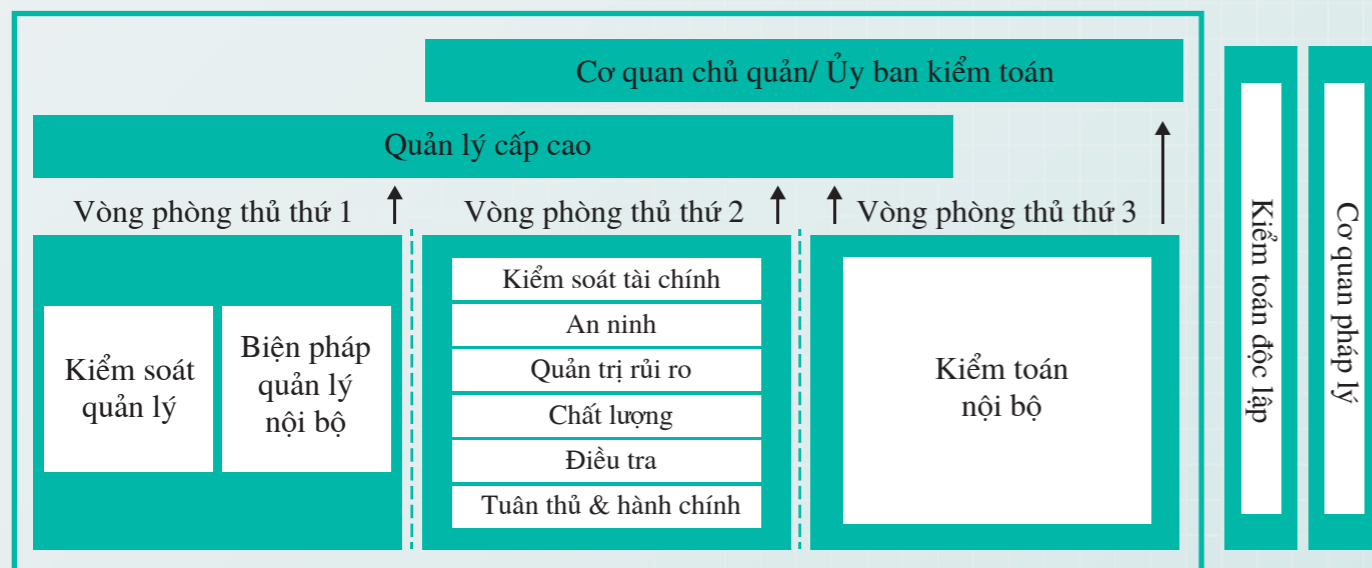
THÁCH THỨC

- Nền kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, các chính sách mở cửa thông thương với các nước là điều kiện hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, nguồn hàng Trung Quốc giá rẻ, hàng nhái tràn vào thị trường tạo sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt.
- Thị trường bao bì nhựa còn nhiều tiềm năng nhưng đã phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trong các doanh nghiệp đầu ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn FDI như Tân Tiến, Hutamaki, Batico, v.vv
- Chính sách điều hành tỷ giá của nền kinh tế vĩ mô ưu tiên xuất khẩu ảnh hưởng bất lợi đến các doanh nghiệp có tỷ trọng nhập khẩu lớn (về nguyên liệu, thiết bị, công nghệ).
- Ngành công nghiệp dệt, nhuộm VN không đầu tư phát triển, gây khó khăn cho nguồn nguyên phụ liệu đầu vào ngành Giả Da.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro dù dưới dạng nào và ảnh hưởng ra sao cũng là điều mà các nhà quản lý không mong muốn. Do đó quản lý luôn tìm kiếm các ý tưởng, nguyên tắc và mô hình để thiết lập các vòng phòng vệ nhằm quản trị rủi ro xảy ra trong doanh nghiệp. Một trong những mô hình được các chuyên gia tài chính đánh giá cao và sử dụng nhiều nhất trong thời gian gần đây có tên: “Ba vòng phòng thủ” (three lines of defence assurance model).

Mục đích của việc xây dựng mô hình này nhằm quản trị doanh nghiệp tốt hơn và gia tăng tài sản của cổ đông. Ba vòng phòng thủ được các chuyên gia trong nước và quốc tế đánh giá cao do hệ thống này giúp toàn bộ doanh nghiệp phải hiểu và tham gia sâu vào quá trình quản trị rủi ro.



XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO (BA VÒNG PHÒNG THỦ)

Tổ chức ba vòng phòng thủ quản trị rủi ro hoạt động doanh nghiệp, phản ánh quá trình quản trị rủi ro của doanh nghiệp, bao gồm:

• Vòng phòng thủ thứ nhất

Đánh giá, khoanh vùng, đo lường, giảm thiểu rủi ro ở cấp quản trị vận hành. Các phòng ban và chức năng chính trong chuỗi giá trị (value chain) như kinh doanh, tiếp thị, sản xuất, vận hành tự mình xác định, đánh giá, ngăn ngừa và báo cáo các rủi ro phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp. Ví dụ như phòng kinh doanh của doanh nghiệp có thể tồn tại rủi ro doanh thu của những nhân viên mới không đạt được như kỳ vọng nên doanh nghiệp thiết kế hệ thống đào tạo nhằm đào tạo ứng viên mới vào có thể bắt nhịp với công việc nhanh nhất từ đó giảm thiểu được loại rủi ro này.

• Vòng phòng thủ thứ hai

Xây dựng các kênh liên lạc và đánh giá bên trong nội bộ công ty bao gồm các phòng ban: Kiểm soát tài chính, an ninh, quản trị rủi ro, quản lý chất lượng, điều tra, pháp chế. Đây là khối sẽ độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của của hệ thống ở tuyến phòng thủ thứ nhất. Tuyến này sẽ quản trị rủi ro thông qua việc đánh giá khâu vị rủi ro, xây dựng và áp dụng các quy trình quản trị rủi ro trong nội bộ doanh nghiệp. Nối tiếp ví dụ đầu tiên về quản trị rủi ro của phòng kinh doanh liên quan đến năng lực của nhân sự mới không được như kỳ vọng, vòng phòng thủ thứ hai các nhân viên của phòng tài chính và nhân sự sẽ đánh giá hiệu quả của quá trình đào tạo xem chi phí bỏ ra cho đào tạo có hợp lý và tuân thủ với ngân sách không, đào tạo xong năng lực của nhân sự có tốt hơn không thông qua các bài kiểm tra và năng lực thực tế khi làm việc.

• Vòng phòng thủ thứ ba

Kiểm toán nội bộ đảm bảo hiệu quả của quản trị kinh doanh, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Đây là bộ phận trực thuộc ban kiểm soát và không thuộc ban điều hành nên việc đánh giá hai tuyến phòng thủ trước và các rủi ro có thể xảy ra được khách quan và độc lập. Tiếp tục với các ví dụ ở trên, vòng phòng thủ thứ ba trong doanh nghiệp sẽ là sự đánh giá độc lập của kiểm toán nội bộ với tính hiệu quả của kiểm soát liên quan đến đào tạo nhân viên mới. Kiểm toán ngoài đánh giá tính hiệu quả trong việc vận hành kiểm soát này còn tiến hành đánh giá thêm liệu rằng kiểm soát này được thiết kế như vậy đã thực sự phù hợp hay chưa.

Tầm quan trọng của việc xây dựng các vòng phòng thủ nhằm ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa những rủi ro đã, đang và sẽ xảy ra trong bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa vào tần suất và cường độ xảy ra của rủi ro, ta có thể đánh giá một cách chiến lược khi cần xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.



Trong quá trình hoạt động, công ty nhận diện một số loại rủi ro, đang thực hiện theo dõi và kiểm soát

Nhận Diện Rủi Ro	Giải Pháp
<p>RỦI RO THANH KHOẢN Công ty có thể gặp phải rủi ro khi nguồn tiền bị mất cân đối, thiếu hụt các khoản tiền mặt hoặc tương đương tiền.</p>	<p>Công ty duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám Đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh và giảm thiểu ảnh hưởng những thay đổi các nguồn tiền.</p>
<p>RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ - LÃI SUẤT: Nguyên liệu, thiết bị máy móc nhập khẩu nên công ty chịu ảnh hưởng các yếu tố đầu vào như: Tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế, nhập khẩu. Tỷ giá biến động ảnh hưởng tới lợi nhuận.</p>	<p>- Thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ - Công ty cân đối các khoản vay bằng ngoại tệ với các khoản thu ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro. - Dự kiến các phương án về lãi suất để chủ động đưa ra các quyết định liên quan nguồn vốn tài trợ, nguồn vay hợp lý.</p>
<p>RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU Có đến 80% nguyên liệu nhựa Việt Nam phải nhập khẩu, gây ra tình trạng bị động trong sản xuất.</p>	<p>- Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý. - Đầu tư mở rộng liên doanh liên kết, phát triển các công ty con trở thành chuỗi cung ứng sản xuất.</p>
<p>RỦI RO TRONG SẢN XUẤT: - Sản phẩm không đạt chất lượng - Vận hành máy móc không đúng quy định gây tình trạng máy móc bị hư hỏng, tai nạn lao động</p>	<p>- Xây dựng quy trình trong sản xuất, quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy, hướng dẫn sử dụng, vận hành các thiết bị để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất. - Đồng thời, Công ty quan tâm đến đầu tư đổi mới công nghệ, phòng ngừa sự cố, kiểm tra môi trường lao động, cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức huấn luyện về an toàn, phòng chống cháy nổ định kỳ.</p>
<p>RỦI RO VỀ NHÂN LỰC Rủi ro về nguồn nhân lực liên quan đến số lượng, tay nghề của người lao động, kinh nghiệm năng lực không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những chuẩn mực quốc tế.</p>	<p>- Xây dựng công ty thành tổ chức học tập, phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng lâu dài; - Đầu tư cho hoạt động đào tạo cũng như các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài ...nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng cao; - Xây dựng chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để giữ và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.</p>
<p>RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG Giảm thị phần và nguy cơ bị đuổi kịp bởi các đối thủ theo sau trong 5 - 10 năm tới nếu Công ty không có bước đột phá và chiến lược đúng đắn. Áp lực tăng trưởng cao sẽ dễ dẫn đến tăng trưởng nóng và mất khả năng kiểm soát vận hành hệ thống.</p>	<p>- phát triển các sản phẩm mới, mở rộng danh mục sản phẩm bán hàng - M&A hoặc liên doanh liên kết gia tăng giá trị Công ty - Tiếp tục củng cố, mở rộng hệ thống đại lý bán hàng trên cơ sở xây dựng các chính sách đại lý đảm bảo hài hòa quyền lợi, cạnh tranh lành mạnh của hệ thống đại lý - Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu của của khách hàng. - Đón đầu xu thế, mở rộng sản xuất các sản phẩm phụ trợ từ nhựa, bao bì mềm</p>

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, xu hướng phát triển và định hướng chiến lược của công ty, Ban lãnh đạo đưa ra mô hình chiến lược phát triển Rạng Đông Holdings. Hướng đến một Tập đoàn mang tầm vóc quốc tế, Rạng Đông Holding kinh doanh đa ngành nghề trong đó ngành kinh doanh liên quan tới Nhựa được lấy làm trọng tâm.



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

- Tăng trưởng bền vững doanh thu từ các mảng kinh doanh truyền thống
- Xây dựng kênh phân phối chuyên nghiệp, sâu, rộng và đa dạng
- Nâng cao tính đa dạng, hữu ích, đầy đủ của các báo cáo quản trị và dự báo, đánh giá thẩm định các dự án đầu tư hiệu quả sau đầu tư.

- Mở rộng liên doanh liên kết, đầu tư có chọn lọc và định hướng các mảng kinh doanh mới.
- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và gia tăng lợi ích các bên liên quan
- Phát triển tốt các nguồn lực nền tảng để đáp ứng nhu cầu phát triển

- Xây dựng doanh nghiệp dẫn đầu về ứng dụng khoa học công nghệ - trong hoạt động (thông tin, quản trị, R&D, sản xuất)
- Áp dụng hệ thống quản lý SAP ERP theo chiều sâu hướng đến sự đồng bộ thông tin dữ liệu trong công ty.

CÁC MỤC TIÊU ĐỊNH TÍNH

- Tiếp tục duy trì vị trí số 1 tại thị trường nhựa Việt Nam và tiến tới mục tiêu top 10 khu vực châu Á
- Đầu tư công tác nghiên cứu và phát triển mang tính ứng dụng cao để tạo ra hệ sản phẩm khác biệt
- Mở rộng mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ với các đối tác theo cả ba hướng tích hợp ngang, tích hợp dọc và kết hợp. Ưu tiên tìm kiếm các cơ hội hợp tác với đối tác nước ngoài mục đích mở rộng thị trường và tăng doanh số.
- Tích cực xây dựng hình ảnh thương hiệu bằng việc thực hiện các chiến lược quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông; đồng thời cam kết đầu tư cao ở tất cả các khâu mà đặc biệt là lợi thế về hệ thống phân phối, tiếp thị và nguồn nhân lực.

CÁC MỤC TIÊU ĐỊNH LƯỢNG

Mục tiêu doanh số năm 2022:

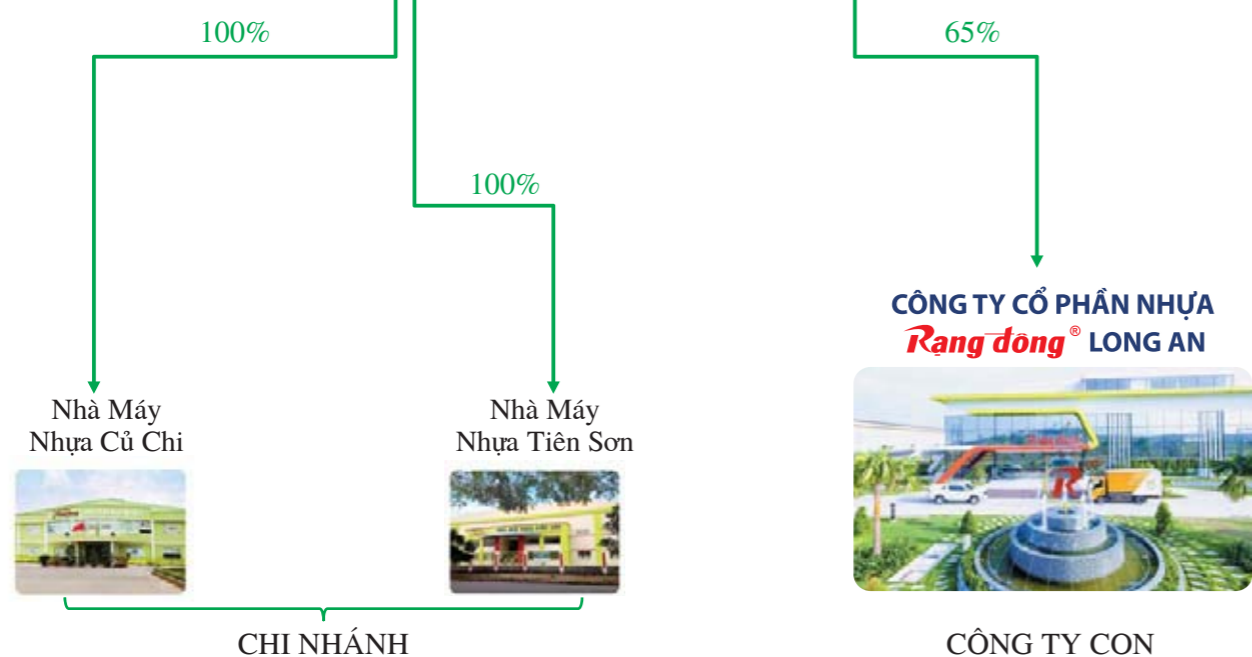


Tăng trưởng thị phần trung bình:



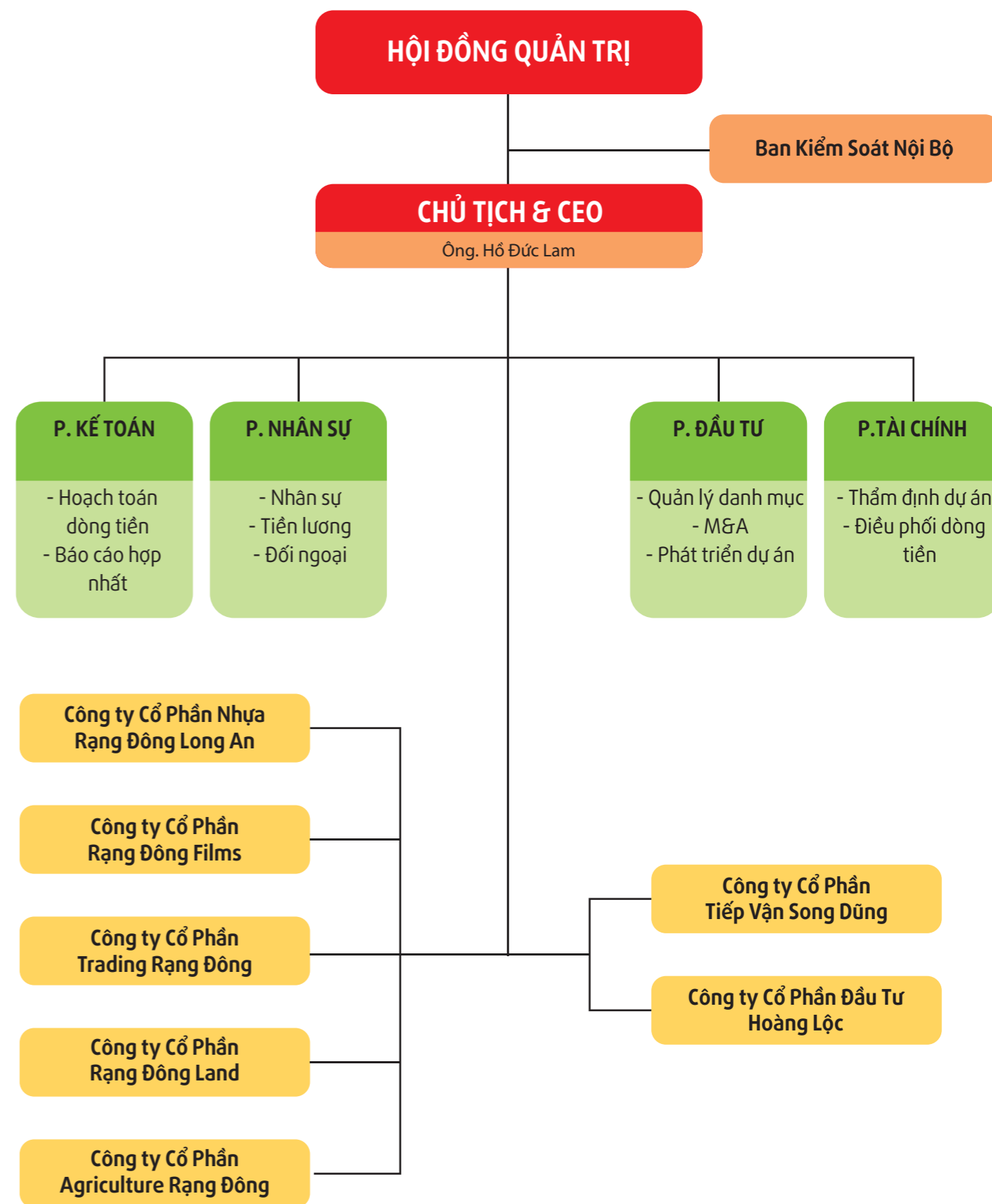
MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Rang dong®
Since 1960



	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Rang dong® LONG AN Lô H1, H2, H3, H4, H7, H8, H9 đường số 8, KCN Tân Đô, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, T. Long An, VN.	tỷ lệ sở hữu 65% vốn điều lệ 250 tỷ đồng
Công ty con	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic	
	CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SONG DŨNG 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, Tp.HCM, VN.	tỷ lệ sở hữu 40% vốn điều lệ 10 tỷ đồng
Công ty liên kết	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	
Chi nhánh Nghệ An	Tạm ngưng hoạt động để cơ cấu bộ máy tổ chức	
Chi nhánh Hà Nội	Tạm ngưng hoạt động để cơ cấu bộ máy tổ chức	

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NĂM 2019



MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Tháng 12.2018, HĐQT thông qua việc chuyển đổi hình thức hoạt động theo mô hình Holdings. Công ty Rạng Đông Holdings giữ vai trò đầu tư vốn và hỗ trợ quản lí cho các đơn vị thành viên. Các thành viên hoạt động độc lập, tự chủ nhằm nâng cao sức cạnh tranh, minh bạch của hệ thống, nhằm tối ưu hóa, chuyên nghiệp hóa, giảm thiểu rủi ro hoạt động của đơn vị các thành viên



1. Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An chính thức đi vào sản xuất vào tháng 05 năm 2018. Dù chỉ hoạt động dẫn xuất trong vòng 6 tháng nhưng Công ty đã đạt được doanh thu thuần 672 tỷ tăng 40% so với năm 2017. Dự kiến kế hoạch doanh thu 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An là 1.500 tỷ tăng 100% so với năm 2018 .
- Công ty đã chính thức đưa hệ thống ERP SAP vào vận hành.
- Trong năm 2018, Công ty nhận 2 chứng chỉ ISO quan trọng là 9001 và 22000.

2. Công ty Cổ phần Tiếp Vận Song Dưng Năm 2018, Công ty đạt doanh thu thuần là 20,8 tỷ và lợi nhuận sau thuế 215 triệu. Công ty cũng từng bước khẳng định vị trí của mình trong thị trường vận chuyển hàng hóa nội địa và dịch vụ xuất nhập khẩu

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Loại hình	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỉ lệ sở hữu
Rạng Đông <i>Long An Plastic</i>	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Công ty con	250	65%
Rạng Đông <i>Films</i>	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Công ty con	180	99,9%
Rạng Đông <i>Agriculture</i>	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	Công ty con	6	51%
Rạng Đông <i>Trading</i>	Buôn bán chuyên kinh doanh các lĩnh vực khác	Công ty con	60	51%
Rạng Đông <i>Land</i>	Buôn bán chuyên kinh doanh lĩnh vực bất động sản	Công ty con	50	51%
Rạng Đông <i>Healthcare</i>	Sản xuất sản phẩm nhựa phục vụ cho y tế	Công ty con	100	40%
SONG DỪNG	Vận chuyển	Công ty liên kết	10	40%



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN ĐIỀU HÀNH
- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
- CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BAN ĐIỀU HÀNH
- VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

1981 - 1984:

- Công nhân điện Nhà máy Diêm Hòa Bình

1985 - 12/2005:

- Công nhân điện XN Nguyên liệu giấy
- Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhựa **Rạng đông**[®]
- Phó TGD Công ty CP Nhựa **Rạng đông**[®]

1/2006 đến nay:

- Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông**[®]



Ông TRẦN TRỌNG TRIỆU

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 1994 - 2003: Nhân viên tín dụng công ty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2003 - 2008: trưởng phòng TCKT chi nhánh Nam SG, cty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2008 - 2009: trưởng phòng tín dụng, NH Techcombank
- 2009 - 2010: trưởng phòng kinh doanh, công ty cho thuê tài chính, Ngân hàng Á Châu
- 2010 - 2017: Giám Đốc K.Doanh, công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam
- 12/2017 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông**[®]



Ông HỒ ĐỨC DŨNG

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 2009 - 2014: Giám Đốc Cty TNHH MTV SXTM & DV Hồ Đức

- 2014 - 2016: Giám đốc Cung Ứng Vật Tư Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông**[®]

- Từ 2017: Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông**[®] Long An



Ông NGUYỄN TRỌNG BÌNH

Thành Viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

- 1985 - 1992 : Bác sỹ khoa khám bệnh - Bệnh viện đa khoa tỉnh Cần Thơ.
- 1992 - 2011: Phó trưởng khoa cấp cứu - Bệnh viện huyện Bình Chánh.
- 2011 đến nay: Bác sỹ khoa khám bệnh - Bệnh viện Ngọc Tâm.



Bà LÊ THỊ THANH THỦY

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 1996 - 2000: Chăm sóc khách hàng Cty TNHH TMCP ĐT-KD BĐS City View Apartment
- 2000 - 2005: Trợ lý Giám đốc, VPDD Hyosung Vina
- 2005 - 2007: Thư ký Giám đốc, Equatorial Hotel
- 2007 - 2015: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Cty CPĐT & PTCN Mỹ Việt
- 2015 đến nay: Trợ lý Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông**[®]
- Tháng 12/2017: Người phụ trách quản trị Công ty

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

1981 - 1984:

- Công nhân điện Nhà máy Diêm Hòa Bình

1985 - 12/2005:

- Công nhân điện XN Nguyên liệu giấy
- Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhựa **Rangdong®**
- Phó TGD Công ty CP Nhựa **Rangdong®**

1/2006 đến nay:

- Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rangdong®**



Ông TRẦN TRỌNG TRIỆU

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- 1994 - 2003: Nhân viên tín dụng công ty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2003 - 2008: trưởng phòng TCKT chi nhánh Nam SG, cty cho thuê tài chính II - Ngân hàng NN& PTNN VN
- 2008 - 2009: trưởng phòng tín dụng, NH Techcombank
- 2009 - 2010: trưởng phòng kinh doanh, công ty cho thuê tài chính, Ngân hàng Á Châu
- 2010 - 2017: Giám Đốc K.Doanh, công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam
- 12/2017 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Nhựa **Rangdong®**



Ông HUỖNH ANH KIỆT

Kế toán trưởng - TP. Tài chính Kế toán

- 2007 - 2010: Kế toán trưởng Công ty SX TM Duy Tân
- 2009 - 2015: Trợ lý TGD Cty CP SX Nhựa Duy Tân
- 2011- 2013: GD Tài chính Cty CP SX Nhựa Duy Tân
- 2011 - 2015: GD Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ Phần SX Nhựa Duy Tân
- 2015 - 2016: GD Đầu Tư Cty CP SX Nhựa Duy Tân
- 2017: GD Điều hành Công ty TNHH Nội Thất Tân Lợi Phát
- 01/2018: Kế toán trưởng - TP. Tài chính Kế toán Công ty CP SX Nhựa **Rangdong®** Long An

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2018

Ban Kiểm toán nội bộ (“BKTNB”) được thành lập từ sau Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2018, chuyển đổi mô hình quản trị từ Ban Kiểm soát trực thuộc ĐHĐCĐ sang mô hình BKTNB trực thuộc Hội đồng quản trị (“HĐQT”) theo thông lệ quản trị tốt của quốc tế, do nguồn nhân lực còn hạn chế nên Thành viên độc lập HĐQT sẽ kiêm nhiệm vai trò của Trưởng BKTNB.

Tận dụng đội ngũ Kiểm soát nội bộ (“KSNB”) của Công ty, BKTNB triển khai các công việc kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế trong việc quản trị công ty, gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại lợi ích cho Công ty và cho các Cổ đông.

BKTNB đã thể hiện vai trò của mình, giám sát và cung cấp kịp thời thông tin cho HĐQT nhằm triển khai, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, đầu tư của công ty phù hợp hơn trong từng giai đoạn của năm 2018 vừa qua.

Các hoạt động của BKTNB đã triển khai trong năm 2018 chi tiết như sau:

- Nhận chỉ đạo từ HĐQT Cty mẹ giám sát việc di dời và lắp đặt máy móc thiết bị tại Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An : hơn 3.000 tấn thiết bị được di dời và lắp đặt đúng theo tiến độ, đảm bảo an toàn lao động, không có sự cố tại nạn nào trong quá trình di dời và lắp đặt máy móc thiết bị.
 - Giám sát tiến độ chạy thử máy để đưa máy vào vận hành chính thức đảm bảo nguồn hàng sản xuất cung cấp cho thị trường, khách hàng, đảm bảo sản lượng sản xuất, doanh thu của Công ty theo kế hoạch.
 - Giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với công ty mẹ cũng như công ty con.
 - Kết hợp với bộ phận KSNB Công ty mẹ kiểm toán các hoạt động sản xuất của Công ty con :
 - + Công tác quản lý kho xuất hàng cho sản xuất của bộ phận Kho vận.
 - + Đề nghị điều chuyển nguyên liệu xuất cho sản xuất của bộ phận Kế hoạch.
 - + Công tác cân đối nguyên liệu giữa hàng tồn kho tại nhà máy và đề nghị điều chuyển nguyên liệu về sản xuất của Nhà máy.
 - Thông qua kết quả kiểm toán, Công ty phát hiện nhiều sai lỗi từ khâu quy định của Công ty đến trách nhiệm của từng vị trí công việc: nội dung chưa đầy đủ và rõ ràng cần phải cải tiến lại và có giải pháp thực hiện để việc quản trị công ty tốt hơn, tạo môi trường làm việc minh bạch, rõ ràng, đào tạo và phổ biến sâu rộng quy định, quy trình của công ty cho người lao động hiểu và tuân thủ đúng quy định.
 - Giám sát bộ phận Tài chính kế toán (với sự hỗ trợ của bộ phận KSNB) trong việc lập báo cáo tài chính quý, năm, cung cấp kịp thời thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và tài chính của Công ty đến với cổ đông, các nhà đầu tư tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.
- Theo Nghị định số 05/2019/NĐ/CP ban hành ngày 22/01/2019 về Kiểm toán nội bộ có hiệu lực thi hành từ 01/04/2019, trong vòng 24 tháng các đơn vị thuộc đối tượng phải thực hiện công tác Kiểm toán nội bộ phải thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định này.
- Theo đó kế hoạch năm 2019 BKTNB sẽ tư vấn cho HĐQT cơ cấu lại nhân sự trong BKTNB và đồng thời triển khai xây dựng bộ phận KTNB đáp ứng yêu cầu quản trị ngày càng minh bạch tuân thủ theo Luật định.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT hiện tại	Chức vụ	T/lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1 Hồ Đức Lam	Chủ tịch HĐQT	64,15%
2 Hồ Đức Dũng	Thành viên HĐQT	0,03%

Thay đổi nhân sự HĐQT

1 Hồ Phi Hải	Thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ 21/04/2018	
2 Trần Thị Linh	Thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ 21/04/2018	
3 Trần Trọng Triệu	Thành viên HĐQT	0,00%
4 Nguyễn Trọng Bình	Thành viên độc lập HĐQT	0,00%
5 Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	0,00%

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên BDH hiện tại

1 Hồ Đức Lam	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	64,15%
2 Trần Trọng Triệu	Phó Tổng Giám Đốc	0,00%
3 Huỳnh Anh Kiệt	Kế toán trưởng, TP. Tài chính Kế toán	0,00%

Thay đổi nhân sự BDH

1 Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám Đốc miễn nhiệm 26/05/2018	
2 Đỗ Hoàng Tuấn	Kế toán trưởng miễn nhiệm 18/01/2018	
3 Huỳnh Anh Kiệt	Kế toán trưởng bổ nhiệm 18/01/2018	

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Số TT	Họ tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Loại thành viên	Ghi chú
1	Hồ Đức Lam	64,15%		Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Nhựa Rạng Đông Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Nhựa Rạng Đông Long An Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Rạng Dong Films Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Agriculture Rạng Đông Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc Cty CP Trading Rạng Đông Chủ tịch HĐQT Cty CP Tiếp Vận Song Dũng
2	Hồ Đức Dũng	0,03%		Thành viên HĐQT Cty CP Nhựa Rạng Đông Thành viên HĐQT Cty CP Nhựa Rạng Đông Long An Thành viên HĐQT Cty CP Tiếp Vận Song Dũng
3	Trần Trọng Triệu	0,00%		
4	Nguyễn Trọng Bình	0,00%	Độc lập	
5	Lê Thị Thanh Thủy	0,00%		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Số TT	Họ tên	Tiểu ban	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Bình	Kiểm toán nội bộ	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng ban

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị: các cuộc họp trong năm 2018

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hồ Đức Lam	Chủ tịch	10/05/2018	11/11	100%	Nhiệm kỳ mới
2	Hồ Phi Hải	Thành viên	21/04/2018	06/06	100%	Hết nhiệm kỳ
3	Hồ Đức Dũng	Thành viên	21/04/2018	11/11	100%	Nhiệm kỳ mới
4	Trần Thị Linh	Thành viên	21/04/2018	06/06	100%	Hết nhiệm kỳ
5	Nguyễn Trọng Bình	T.v độc lập	21/04/2018	05/05	100%	Nhiệm kỳ mới
6	Trần Trọng Triệu	Thành viên	21/04/2018	05/05	100%	Nhiệm kỳ mới
7	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	21/04/2018	05/05	100%	Nhiệm kỳ mới

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện các mục tiêu trong năm, đặc biệt là theo dõi rất sát sao việc di dời và lắp đặt một lượng máy móc thiết bị rất lớn xuống Long An đảm bảo đúng tiến độ, an toàn, đảm bảo đủ nguồn hàng để cung ứng cho khách hàng trong thời gian di dời máy móc thiết bị. Công việc cụ thể như sau:

- Di dời và lắp đặt một khối lượng “khủng” máy móc thiết bị về Long An lên đến gần 3.000 tấn, tương ứng với gần 230 loại máy móc thiết bị khác nhau được di dời đúng theo kế hoạch và không xảy ra sự cố an toàn lao động nào trong quá trình thực hiện. Quả thật, đây là một thành quả rất lớn của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty đạt được trong năm 2018.

- Đến tháng 8/2018 nhà máy gần như đã hoàn thiện việc lắp đặt và đưa vào vận hành toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị ; đảm bảo nguồn cung lao động ổn định phục vụ cho sản xuất.

- Tháng 10/2018 hệ thống máy cán đã phát huy hiệu quả, gia tăng được năng suất so với trước, các sản phẩm màng PVC, giả da hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu của thị trường, bù đắp các tháng đầu năm sụt giảm doanh số do di dời máy móc; góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành kế hoạch doanh số của năm 2018.

- Đưa vào vận hành thành công hệ thống quản trị nguồn lực hiện đại SAP ERP cho công ty con – Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự cấp cao, điều chuyển về các vị trí chủ chốt giúp cho việc điều hành và quản lý tại các công ty thành viên được giám sát chặt chẽ hơn.

- Triển khai góp vốn thành lập công ty để mở rộng ngành nghề và mạng lưới kinh doanh hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho những năm sắp tới.

- Giám sát và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên như:

* Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý 1 năm 2018, Báo cáo thường niên năm 2017 và Báo cáo quản trị năm 2017.

* Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đúng theo pháp luật hiện hành vào ngày 21/04/2018 tại trụ sở chính của Công ty.

* Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

* Giám sát việc điều chỉnh Điều lệ, Giấy phép đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc thay đổi vốn, thông tin đăng ký ngành nghề kinh doanh của công ty tuân thủ theo luật quy định.

* Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hoàn tất trong tháng 10/2018, tuân thủ thời gian quy định thanh toán cổ tức cho cổ đông.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/QĐ-HĐQT/2018	17/01/2018	Miễn nhiệm Kế toán trưởng và TP. TC Kế toán Ông Đỗ Hoàng Tuấn
02	01/QĐ-HĐQT/2018	17/01/2018	Bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm TP. TC Kế toán Ông Huỳnh Anh Kiệt
03	03/NQ-HĐQT	26/01/2018	Tham gia vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Công Nghiệp CG và cử người đại diện quản lý phần vốn góp
04	04/NQ-HĐQT	28/02/2018	Thông qua các hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ và các giao dịch liên quan khác giữa C.ty CP Nhựa Rạng Đông và C.ty CP Nhựa Tín Kim
05	05/NQ-HĐQT	06/03/2018	Kế hoạch triển khai công tác tổ chức ĐH đồng cổ đông thường niên 2018
06	06/NQ-HĐQT	06/03/2018	Thông qua việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án của Nhà máy Nhựa Tiên Sơn theo Giấy chứng nhận đầu tư số : 21221.000565.
07	07/NQ-HĐQT/RDP	10/05/2018	Bầu chọn Chủ tịch HĐQT cho nhiệm kỳ 2018 – 2023.
08	08/NQ-HĐQT/2018	14/15/2018	Tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại Nghệ An
09	09/QĐ-HĐQT	25/05/2018	Miễn nhiệm chức danh Phó TGD công ty đối với Ô. Nguyễn Văn Thường
10	10/QĐ-HĐQT/2018	14/06/2018	Bổ sung ngành nghề vận tải hàng hóa bằng đường bộ (mã ngành 4933) cho Chi nhánh Công ty CP Nhựa Rạng Đông – Nhà máy Nhựa Tiên Sơn
11	11/NQ-HĐQT/RDP	28/06/2018	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018.
12	12/NQ-HĐQT	08/08/2018	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển VN
13	13/QĐ-HĐQT-RDP	14/08/2018	Tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại Hà Nội
14	14/NQ-HĐQT/RDP	24/08/2018	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017
15	749/QĐ-HĐQT-RDP/2018	06/09/2018	Giao quyền Phó Giám đốc Nhà máy Nhựa Tiên Sơn
16	16/NQ-HĐQT/RDP	08/09/2018	Điều chỉnh nguồn chi trả cổ tức năm 2017
17	17/NQ-HĐQT	13/11/2018	Tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần và cử người đại diện quản lý phần vốn góp (C.ty CP Agriculture Rạng Đông, Cty CP Trading Rạng Đông)
18	18/NQ-HĐQT	03/12/2018	Tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần và cử người đại diện quản lý phần vốn góp (Công ty CP Rang Dong Films)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thành viên HĐQT độc lập họp cùng với bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty qua 2 nội dung : yêu cầu kiểm kê kho và rà soát lại việc xuất nguyên liệu phục vụ cho sản xuất. Qua kết quả kiểm toán, công ty đã phát hiện nhiều sai sót trong việc quản lý nguyên liệu xuất dùng cho sản xuất và tồn kho tại nhà máy. Thành viên HĐQT độc lập và bộ phận Kiểm soát nội bộ đã cùng làm việc, đưa ra giải pháp xây dựng các quy định nhằm khắc phục và ngăn ngừa rủi ro này tái phát

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có

2. . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Hồ Đức Lam	CT.HĐQT/TGD	18.146.296	64,15%	21.775.555	64,15%	Nhận cổ tức 2017 bằng cổ phiếu
02	Hồ Đức Dũng	Thành viên HĐQT	9.870	0,03%	11.844	0,03%	Nhận cổ tức 2017 bằng cổ phiếu
03	Hồ Hoàng Mai	Con ruột TGD	2.476	0,01%	2.971	0,01%	Nhận cổ tức 2017 bằng cổ phiếu
04	Hồ Thị Kim Thoa	Chị TGD	9.803	0,03%	11.763	0,03%	Nhận cổ tức 2017 bằng cổ phiếu
05	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên độc lập HĐQT					Không nắm giữ cổ phiếu
06	Trần Trọng Triệu	Thành viên HĐQT/ P.TGD					Không nắm giữ cổ phiếu
07	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT/ Người Quản trị cty/ Thư ký HĐQT					Không nắm giữ cổ phiếu
08	Huỳnh Anh Kiệt	Kế toán trưởng/ TP. TCKT					Không nắm giữ cổ phiếu
09	Hồ Thị Ngọc Hiền	Người được ủy quyền CBTT	6.564	0,02%	7.876	0,02%	Nhận cổ tức 2017 bằng cổ phiếu

b) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Thù lao BAN KIỂM SOÁT	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích BAN GIÁM ĐỐC
0 VNĐ	0 VNĐ	1.934.856.000 VNĐ

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Giao dịch		Mua (VNĐ)	Bán (VNĐ)
01	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông giao dịch Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	RDP/RLP	160.883.506.237	766.440.698.700
02	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông giao dịch Công ty Cổ phần Tiếp vận Song Dũng	RDP/Song Dũng	4.713.441.989	
03	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An giao dịch Công ty Cổ phần Tiếp vận Song Dũng	RLP/Song Dũng	11.103.025.813	

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ các quy định về quản trị công ty thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Thông tin cổ đông, cổ phần

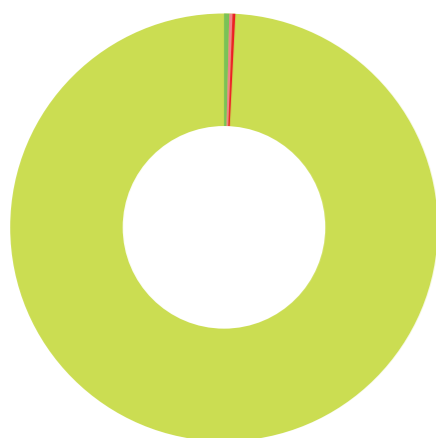
Vốn điều lệ của công ty
339.428.620.000 VNĐ

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, thông tin Cổ phần của Công ty như sau:

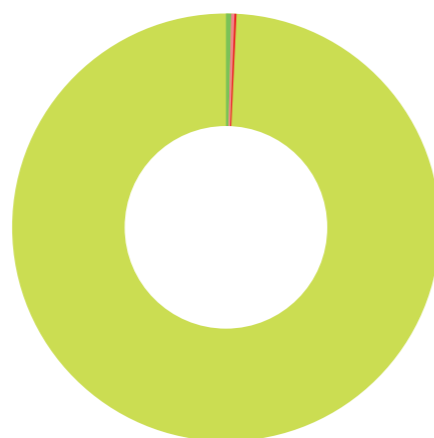
- Tổng số cổ phần : 33.942.862 cổ phần
- Cổ phần chuyển nhượng tự do : 33.916.638 cổ phần
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 26.224 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : là cổ phần phổ thông
- Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông:

Nội dung	Số lượng Cổ Đông	Số lượng Cổ Phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	1.133	33.942.862	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	1.133	33.942.862	100%
Cổ đông lớn, nhỏ	1.133	33.942.862	100%
* Cổ đông lớn	1	21.775.555	64,15%
* Cổ đông nhỏ	1.132	12.167.307	35,85%
Cổ đông trong nước	1.108	33.771.806	99,50%
■ Tổ chức	29	84.038	0,25%
■ Cá nhân	1.079	33.687.768	99,25%
Cổ đông nước ngoài	25	171.056	0,50%
■ Tổ chức	5	81.270	0,24%
■ Cá nhân	20	89.786	0,26%



Tỉ lệ cổ đông 2017

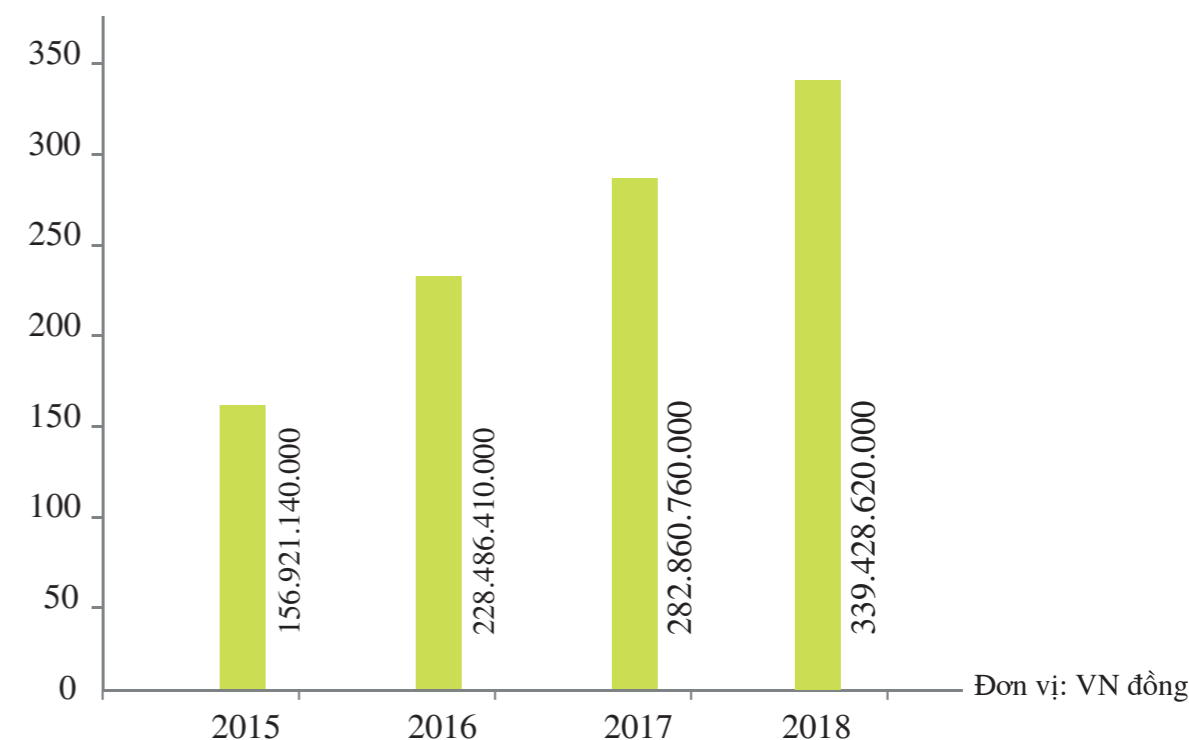


Tỉ lệ cổ đông 2018

Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ nào được thực hiện trong năm 2017.
Công ty không có phát sinh chứng khoán khác trong năm.

Quá trình tăng vốn điều lệ

Nội dung	ĐVT	Thời gian phát hành	Giá trị phát hành	Vốn Điều Lệ Sau Phát Hành
Vốn điều lệ đầu năm 2016	đồng		156.921.140.000	156.921.140.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP	đồng	01/2016	24.417.270.000	181.338.410.000
Tăng vốn từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng (*)	đồng	10/2016	48.148.000.000	228.486.410.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	đồng	02/2017	54.374.350.000	282.860.760.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	đồng	01/2018	56.567.860.000	339.428.620.000



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG, CHÚNG TÔI MONG MUỐN NHỮNG GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA CÔNG TY SẼ ĐƯỢC LAN TỎA, HƯỞNG ỨNG NGÀY CÀNG MẠNH MẼ TRONG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI, TẠO THÀNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.

Hàng năm, công ty đều xem xét, đánh giá lại các nguyên tắc thực hành “Phát triển bền vững” tại trụ sở chính công ty, các nhà máy, các công ty con. Nội dung báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo Thường niên là một phần quan trọng nhằm công bố các thông tin về chiến lược phát triển bền vững; đánh giá các tác động, rủi ro và cơ hội kinh doanh liên quan đến môi trường, xã hội. Báo cáo giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở khía cạnh phát triển bền vững.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, nhà máy bao bì Củ Chi, nhà máy nhựa Tiên Sơn. Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2018 bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại công ty và các nhà máy. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2018, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

CÁCH THỨC XÂY DỰNG BÁO CÁO

Báo cáo được lập dựa trên tài liệu CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với UNESCO phát hành, xác định các lĩnh vực trọng yếu tác động đến các bên liên quan.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

60 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa, công ty hiểu rõ những giá trị của chính sách phát triển bền vững. Chúng tôi nỗ lực không ngừng để thông điệp “Phát triển bền vững” trở thành Chiến lược phát triển, đồng thời thông điệp được lan truyền và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị.

Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan vui lòng liên hệ:

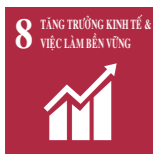
Lô H1, H2, H3, H4, H7, H8, H9, đường số 3, 8, 9, Khu công nghiệp Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, VN
ĐT: (84-272) 3777 800



DỰA VÀO 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC, CÔNG TY CP NHỰA RẠNG ĐÔNG ĐÃ LỰA CHỌN VÀ PHÂN TÍCH 7 MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC TIÊU CỦA LIÊN HIỆP QUỐC	CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC	THAM CHIẾU
 	 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông/ Nhà đầu tư - Đối tác / khách hàng - Người lao động - Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Holdings, các công ty con hoạt động độc lập, trở thành chuỗi liên kết liên doanh hỗ trợ lẫn nhau, giúp công ty mở rộng thị trường trong & ngoài nước - Thúc đẩy nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. - Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất - Đầu tư máy móc thiết bị - Đầu tư cho hệ thống lạnh trung tâm - Tăng cường các hoạt động đánh giá với các đối tác quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu xuất khẩu + 20% - Mở rộng thị phần xuất khẩu +5% - 2 đề tài cấp bộ được nghiệm thu, ứng dụng thành công 6 sản phẩm mới từ 2 đề tài trên - Tạo thêm +100 việc làm mới - Môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn Nhật. 	trang 61 - 62
 	 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng xã hội - Cơ quan Nhà nước - Người lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty luôn tuân thủ các quy định kê khai thuế, nộp thuế. Qua đó, tái phân bổ một phần lợi ích lại xã hội - Đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng ý nghĩa, cam kết chặt chẽ sự phát triển bền vững, thịnh vượng chung của toàn xã hội. - Xây dựng nguồn lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của công ty; - Đảm bảo các chế độ lương thưởng phúc lợi đối với người lao động; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp Ngân sách NN - 2.2 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng tại Long An, chương trình cầu Nông thôn Việt - Đảm bảo thu nhập người lao động +8.5 triệu, cùng các phúc lợi khác - Mở 74 lớp đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn cho 450 lao động, giúp gia tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị lao động trong tương lai 	trang 63 - 65
 	 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng xã hội - Người lao động - Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong sản xuất, tái sử dụng nguyên liệu. - Sử dụng năng lượng và nước hiệu quả, tiết kiệm. - Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng. - Dự án điện mặt trời áp mái: công suất 4,5 MW 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trạm xử lý nước thải đạt công suất 100 m3/ ngày. - Đầu tư hệ thống cấp nhiệt đạt 4.000.000 Kcal, thay thế toàn bộ lò dầu đốt củi, đốt dầu DO - Áp dụng mô hình 3B trong quá trình xử lý phế liệu phát sinh - Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ. - Không xảy ra vi phạm luật pháp về bảo vệ môi trường. 	trang 66 - 68



8 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ & VIỆC LÀM BỀN VỮNG

Nhận thức được những cơ hội và thách thức trước xu thế hội nhập sâu rộng, Ban lãnh đạo công ty quyết tâm thay đổi mô hình hoạt động để đón lấy thời cơ chuyển mình trở thành Tập đoàn mang tầm vóc quốc tế.

Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động theo mô hình Holdings. Công ty Rạng Đông Holdings giữ vai trò đầu tư vốn và hỗ trợ quản lý cho các đơn vị thành viên. Các công ty thành viên hoạt động độc lập, trở thành chuỗi liên kết liên doanh cung ứng cho sản xuất kinh doanh & mở rộng thị trường xuất khẩu



Chỉ khi thay đổi cơ cấu, công ty mới đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững:

- Mở rộng thị phần xuất khẩu
- Đảm bảo doanh thu, lợi nhuận đạt mức tăng trưởng ổn định qua các năm
- Nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm.
- Đảm bảo quyền lợi kinh tế cho các bên liên quan: người lao động, đối tác, cổ đông, tổ chức nhà nước

Hoạt động mở rộng thị phần

Năm 2018 đã chứng kiến nhiều hoạt động khởi sắc trong hoạt động kinh doanh, bằng chứng là Ban lãnh đạo liên tục tiếp các công ty trên thế giới đến tham quan, đánh giá tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An như: Camco, PoliFilm, Keyston, Vedan. Các văn kiện hợp tác chiến lược, các hợp đồng đầu tư lâu dài đã được ký kết sau các buổi audit, mở ra giai đoạn phát triển bền vững cho công ty.

Doanh thu xuất khẩu tăng **20%**, mở rộng thị phần xuất khẩu **5%**

Đầu tư cho nghiên cứu phát triển

Chiến lược và định hướng phát triển trong tương lai là đầu tư thêm danh mục sản phẩm chứa hàm lượng khoa học kỹ thuật cao bảo vệ sức khỏe và môi trường. Những sản phẩm đạt chất lượng cao sẽ đóng vai trò cốt lõi của sự thay đổi hoạt động sản xuất. Để đạt được mục tiêu trên, công ty tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển sản phẩm, không chỉ cải tiến sản phẩm hiện có mà còn mang lại những công nghệ với nhiều ứng dụng mới, có khả năng áp dụng thực tiễn cao, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như trải nghiệm mới cho khách hàng, từ đó cùng bắt kịp và cùng phát triển trong xu thế hội nhập toàn cầu.

Chi phí R&D: **2,9** tỷ. Thành tựu: **2** đề tài cấp bộ được nghiệm thu, ứng dụng thành công 6 sản phẩm mới từ 2 đề tài trên

Việc làm bền vững & môi trường làm việc

Công ty thu hút **>100** lao động ở địa phương, đồng thời lực lượng lao động trên được áp dụng mô hình phát triển nhân lực của công ty như sau:

- 100% lao động được đào tạo các lớp nghiệp vụ, nâng cao chuyên môn.
- đảm bảo các quyền lợi theo chính sách của công ty và quy định của Luật.
- Môi trường làm việc theo tiêu chuẩn Nhật Bản: cường độ ánh sáng, nhiệt độ khu vực làm việc... được kiểm soát nghiêm ngặt và tuân thủ.



9 CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO & CHẤT LƯỢNG

Để thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông xác định việc đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng là lĩnh vực trọng yếu, làm nền tảng thúc đẩy các hoạt động bền vững khác phát huy:

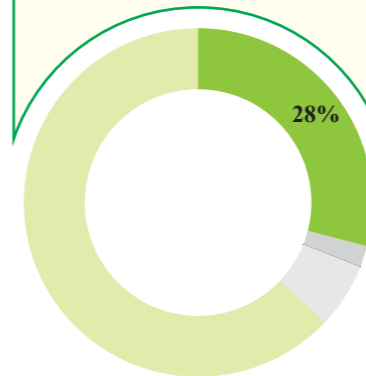
- Tiết giảm chi phí sản xuất
- Nâng cao năng suất lao động
- Đảm bảo môi trường làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân.



CƠ SỞ VẬT CHẤT, HẠ TẦNG KỸ THUẬT.

Nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh, khả năng thích nghi với tình hình hội nhập quốc tế, Ban lãnh đạo quyết tâm đầu tư cơ sở vật chất để tạo tiền đề phát triển bền vững trong tương lai.

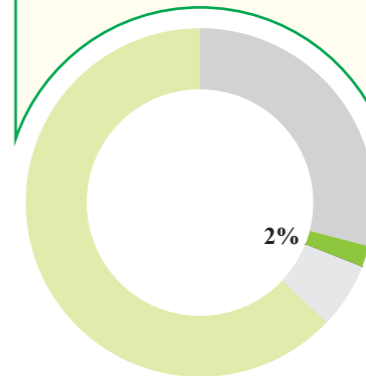
200 tỷ VNĐ chi phí đầu tư



TRANG THIẾT BỊ MÁY MÓC KỸ THUẬT

Năm 2018, công ty nhìn thấy tiềm năng mở rộng thị phần trong ngành nhựa, nên chủ động đầu tư thêm trang thiết bị máy móc hiện đại: máy in 9 màu của Đức, máy thổi của Ý...

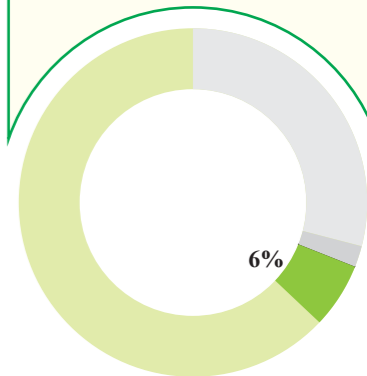
10.58 tỷ VNĐ đầu tư máy móc thiết bị



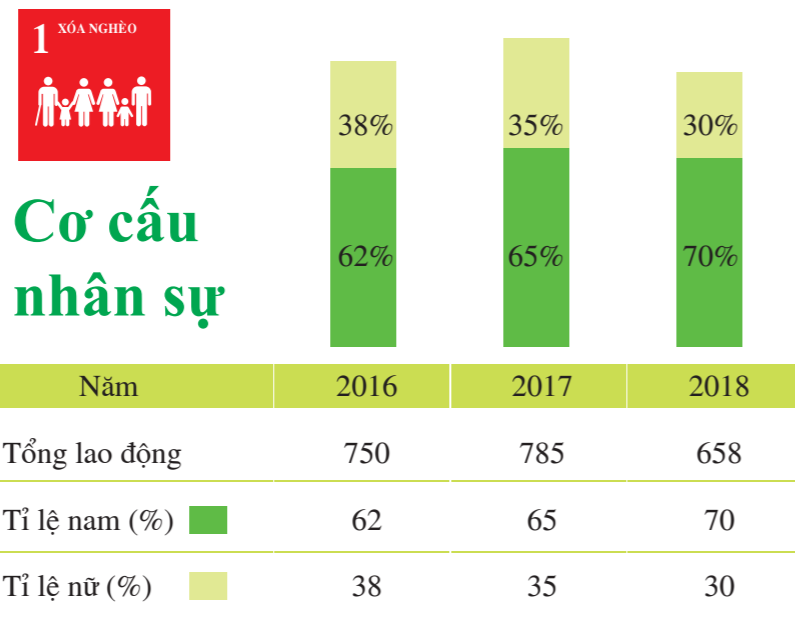
HỆ THỐNG LẠNH TRUNG TÂM

Đầu tư vào hệ thống lạnh trung tâm sẽ giúp công ty tiết kiệm năng lượng tiêu thụ, tiết kiệm chi phí, chủ động hoạch định mức tiêu thụ năng lượng vào sản xuất.

40 tỷ VNĐ hệ thống lạnh trung tâm



2018
Tổng số lao động
658



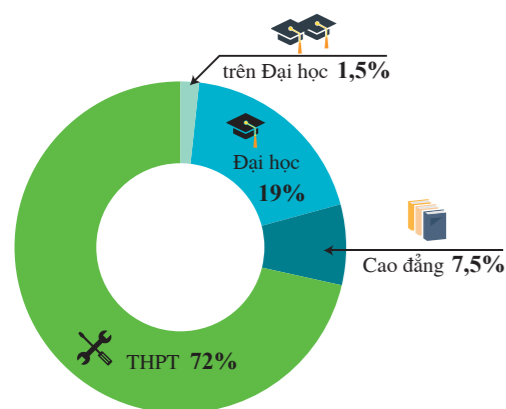
Qua 2018, cơ cấu nguồn nhân lực có sự thay đổi đáng kể. Tỷ lệ nam chiếm đa số hơn nữ phù hợp đặc thù của công ty sản xuất, cần nhiều lao động nam

Năm 2018, công ty đã thực hiện tăng lương cho nhân viên với tỷ lệ tăng bình quân là 8,5%. Đồng thời, công ty thực hiện các chính sách phúc lợi khác để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV. Hệ thống phúc lợi, đãi ngộ bao gồm

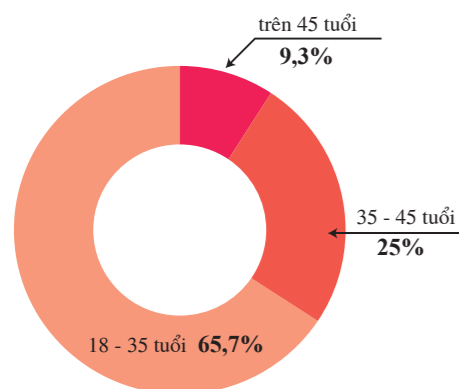
- Tặng quà ngày 08/03, 20/10 cho CBCNV nữ.
- Tặng quà ngày Tết thiếu nhi, trung thu
- Tặng quà và hỗ trợ cho CBCNV nhân các dịp hiếu hỉ, sinh nhật, ốm đau, sinh con, lễ, Tết.
- Du lịch hàng năm cùng toàn thể CBCNV
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định như BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp cho toàn bộ người lao động.
- Duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc như BH tai nạn 24/24, BH sức khỏe toàn diện cho đối tượng là cán bộ quản lý của Công ty.
- Thưởng theo doanh số, theo hiệu quả công việc

Về vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, công ty luôn nỗ lực cải tiến môi trường làm việc và điều kiện an toàn cho nhân viên, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe của nhân viên và bảo vệ môi trường của cộng đồng. Các chính sách đảm bảo an toàn sức khỏe và bệnh nghề nghiệp bao gồm:

- Hướng dẫn, tập huấn các biện pháp an toàn lao động;
- Cấp quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động;
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Phòng ngừa và loại trừ những nguy cơ đe dọa tính mạng, sức khỏe của người lao động;
- Không sử dụng lao động nữ đang mang thai hay nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm đêm hoặc làm thêm giờ; không sử dụng lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.



Cơ cấu trình độ năm 2018



Cơ cấu độ tuổi năm 2018



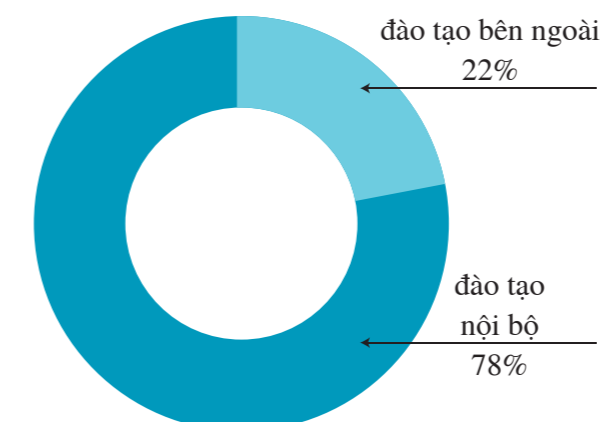
Xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của bất kỳ một doanh nghiệp nào và đào tạo nhân viên thông qua các chương trình phát triển nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của công ty là nhiệm vụ trọng tâm. Các buổi tập huấn theo chủ đề định kỳ được thực hiện bởi các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn mục tiêu dành cho các cán bộ quản lý để bổ sung kiến thức, nắm bắt toàn diện hơn các mảng hoạt động của công ty. Công ty cũng thực hiện chương trình xác định và phát triển nhân tài thông qua việc bổ nhiệm nhân viên lên vị trí quản lý, CBCNV có cơ hội phát huy năng lực

HUẤN LUYỆN VÀ ĐÀO TẠO

Trong năm 2018, công ty tổ chức 74 lớp đào tạo, tổng số 450 CBCNV được tham gia đào tạo. Hiệu quả đào tạo.

- Nâng cao nhận thức đa số CBCNV
- Nâng cao tay nghề, nghiệp vụ của CBCNV.
- Tăng năng suất, chất lượng và giảm hao phí trong sản xuất.
- Phòng ngừa được tai nạn lao động, cháy nổ và ô nhiễm môi trường.
- Xây dựng & áp dụng được các hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo ISO 9001, 14001, 22000 & FSSC 22000.

STT	Hoạt động đào tạo	Số lớp	Số CBCNV tham gia
A. Đào tạo nội bộ			
1	Đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn	25	300
2	Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn trực tiếp	15	400
3	Đào tạo áp dụng SAP	10	90
4	Đào tạo phòng chống tham nhũng	8	120
B. Đào tạo bên ngoài.			
1	hệ thống quản lý ISO 9001, 14001, 22000 & FSSC	6	180
2	An toàn vệ sinh thực phẩm	1	200
3	Phòng cháy chữa cháy	1	62
4	An toàn vệ sinh lao động	1	365
5	Giám Đốc Nhà máy, Giám Đốc Kinh doanh	2	8
6	Đào tạo khác	5	30



74 Tổng số lớp đào tạo

450 Tổng số CBCNV được đào tạo

166 Tổng số giờ được đào tạo



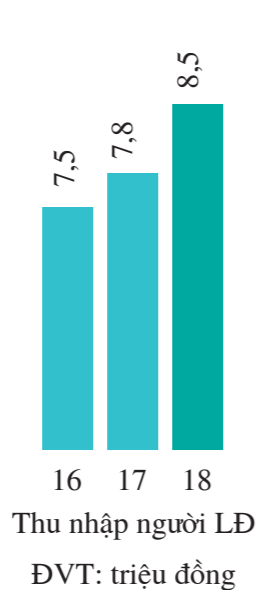
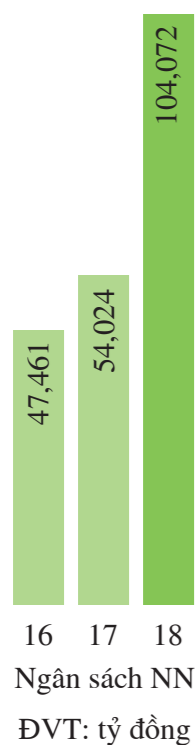
HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Công ty CP Nhựa Rạng Đông đã tạo công ăn việc làm cho hơn 650 lao động. Thông qua các chính sách tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, công ty góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế chung của xã hội. Bên cạnh đó, hằng năm, công ty CP Nhựa Rạng Đông đóng góp hàng tỷ đồng vào ngân sách nhà nước cùng nhiều chương trình hoạt động xã hội cộng đồng khác tại địa phương. Năm 2018, công ty đã dành khoảng 2,2 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng dưới nhiều hình thức và nhiều hoạt động như:

- Chương trình xây 2 cầu nông thôn mới tại xã Kiến Tường, tỉnh Long An
- Chương trình Xuân Yêu Thương - Tết sẻ chia tại 2 tỉnh Đồng Nai và Long An
- Chương trình đền ơn đáp nghĩa

CHIA SẺ THÀNH QUẢ ĐẾN CÁC BÊN

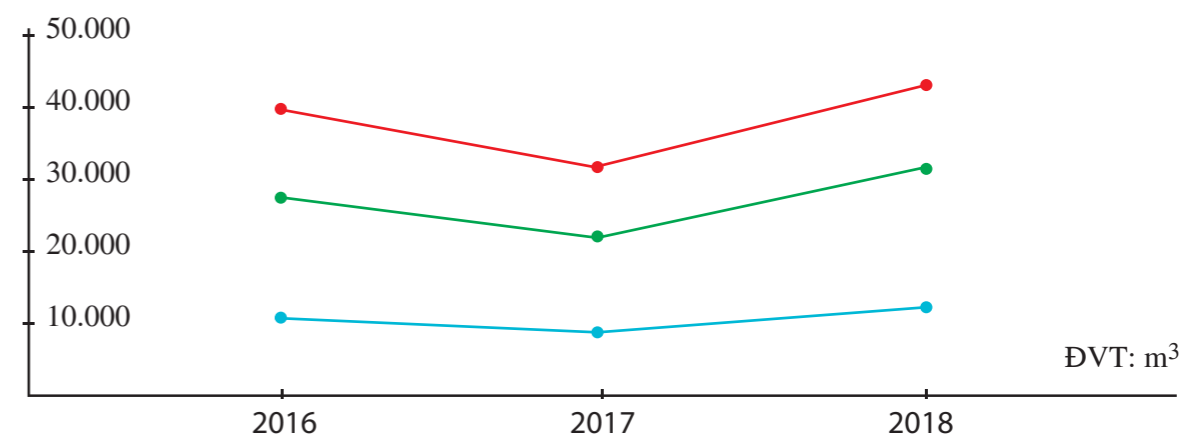
Bên liên quan	Nội dung	2016	2017	2018
■ Nhà nước	Nộp ngân sách nhà nước	47,461 tỷ	54,024 tỷ	104,072 tỷ
■ Nhân viên	Thu nhập của người lao động	7,5 triệu	7,8 triệu	8,5 triệu
■ Cộng đồng	Đóng góp cho cộng đồng, xã hội	1,6 tỷ	2,1 tỷ	2,2 tỷ



TIÊU THỤ NƯỚC

Năm 2018, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Loang An chính thức hoạt động, 3 nhà máy bắt đầu vận hành hết công suất, nên nhu cầu nước cho hệ thống điều hòa không khí và trung tâm lạnh có tăng so năm 2017. Song song đó, việc đầu tư thêm trang thiết bị máy móc làm nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất tăng

STT	Hạng mục	Số lượng 2016 (m ³)	Số lượng 2017 (m ³)	Số lượng 2018 (%)
	Tổng lượng nước tiêu thụ	40.232	33.562	44.500
1.	Nước dùng sản xuất	11.532	10.041	13.350
2.	Nước dùng sinh hoạt	28.700	23.521	31.150
3.	Tỷ lệ % tái sử dụng	10%	8%	10%
	Tổng lượng nước được xử lý trước khi thải ra môi trường	100%	100%	100%



Nguồn tài nguyên nước trong giai đoạn hiện nay là vô cùng quý giá. Sớm nhận thức được điều này, công ty đã có chuẩn bị trước cho việc thu hồi, tái sử dụng nguồn nước thải sau khi được xử lý đạt các tiêu chuẩn quy định. Vì vậy, khi đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công ty đã thực hiện xây dựng hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng và tận dụng nước mưa để tưới cây thay cho nước máy.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NƯỚC

Để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước, công ty đã tiến hành chuẩn hóa đường ống, lắp đặt lại đồng hồ nước có kiểm định cho các nhà máy. Có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích và giáo dục ý thức tiết kiệm. Công ty đang theo dõi để khoán định mức chuẩn nước sử dụng trên từng dây chuyền thiết bị và từng xưởng sản xuất. Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sản xuất khoa học để giảm số lần vệ sinh máy, giảm tiêu hao năng lượng nước, giảm nguồn nước thải vệ sinh, tăng năng suất lao động dẫn đến giảm tiêu hao năng lượng nước/đơn vị sản phẩm. Đồng thời, thực hiện sử dụng nước hiệu quả thông qua việc thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, đảm bảo không bị rò rỉ nước, dễ kiểm soát và dễ sửa chữa khi có sự cố.

CÔNG SUẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 100 m³/ngày



CÔNG SUẤT HỆ THỐNG CẤP NHIỆT

4.000.000 KCal

THAY THẾ TOÀN BỘ LÒ DẦU ĐỐT CỬI, ĐỐT DẦU DO



STT	Hạng mục	Số lượng 2017 (KW)	Số lượng 2018 (KW)	Mức tăng/giảm (%)
1	Năng lượng tiêu thụ	10.862.000	12.120.000	+11

Nguyên nhân tổng năng lượng tiêu thụ trong năm 2018 cao hơn 2017:

- Vận hành 3 nhà máy tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An.
- Đầu tư thêm 2 máy cán ở nhà máy 1
- Đầu tư trang thiết bị máy móc ở nhà máy 3: máy in 9 màu, máy làm túi...

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

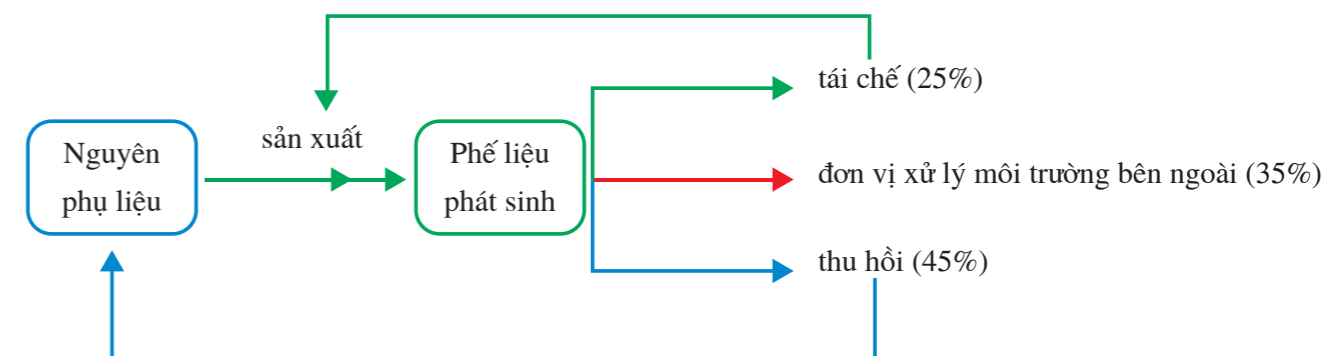
Đầu năm 2019, Cty CP Nhựa Rạng Đông Long An và Cty CP Skylight đã ký kết hợp tác dự án điện mặt trời áp mái với công suất 4,5 MW có công suất lớn nhất trong các nhà máy sản xuất nhựa tại Việt Nam. Dự án điện mặt trời sẽ cung cấp năng lượng cho hệ thống sản xuất và sinh hoạt, mỗi năm tiết kiệm hàng chục tỷ đồng, mở ra giai đoạn phát triển bền vững cho tương lai

Nguồn tiêu thụ năng lượng	Giải pháp tiêu thụ năng lượng hiệu quả
Hệ thống điều hòa không khí	<ul style="list-style-type: none"> • Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị • Khuyến khích duy trì nhiệt độ ở mức 25-27⁰C • Tắt hệ thống điều hòa tại từng khu vực làm việc sau khi hết giờ làm việc • Văn phòng mới: sử dụng kính cường lực chống nhiệt, hệ thống chiller biến tần tự điều chỉnh công suất tiêu thụ điện
Hệ thống chiếu sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact, đèn LED), điều khiển bật/tắt theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng tự nhiên của không gian) • Tắt toàn bộ hệ thống điện tại từng khu vực làm việc khi hết giờ làm việc
Năng lượng trong sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> • Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị • Xây dựng lại quy trình vận hành máy móc thiết bị để giảm tiêu hao điện • Đầu tư hệ thống cấp nhiệt có công suất 4.000.000 KCal thay thế toàn bộ lò dầu đốt củi, đốt dầu DO. Hệ thống cấp nhiệt sẽ giúp công ty tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, hệ thống giúp giảm các tác động đến môi trường như lượng khói bụi phát sinh.

HOẠT ĐỘNG TÁI SẢN XUẤT NGUỒN NGUYÊN LIỆU TẠI CHỖ

Tái sử dụng nguồn liệu tại chỗ là mục tiêu trọng tâm của hành động bảo vệ môi trường và tiết giảm chi phí trong sản xuất. Hiểu được tầm quan trọng trên, công ty đã áp dụng mô hình 3B trong sản xuất

- Bước 1: Quay vòng tái chế 25% tổng phế liệu phát sinh
- Bước 2: Thu hồi những phế liệu có thể sử dụng lại trong sản xuất
- Bước 3: Chuyển những phế liệu, dung môi khó xử lý cho đơn vị xử lý môi trường bên ngoài



STT	Nguyên vật liệu	Số lượng tái chế 2018 (%)	Số lượng tái chế 2017 (%)	Ghi chú
1	Khu vực thổi PE	5.6% (~285 tấn)	3.2% (~215 tấn)	
2	Khu vực cán Màng mỏng	1.2% (~94 tấn)	1.5% (~144 tấn)	
3	Khu vực Tôn ván nhựa	3.1% (~35 tấn)	3.1% (~35 tấn)	
4	Khu vực màng PE, EVA	6.2% (~6 tấn)	5.8% (~4 tấn)	
5	Khu vực giả da cán	2.0% (~22 tấn)	3.0% (~45 tấn)	
6	Khu vực giả da trắng	0%	0%	
7	Khu vực thổi PVC	0%	0%	
8	Khu vực in tráng ghép	0%	0%	
9	Dung môi	(~10 tấn)	0%	

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2018 về việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường của Công ty đã thực hiện:

1. Cải tạo xong hệ thống xử lý nước thải
2. Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 6 tháng/ 1 lần
3. Báo cáo xả thải định kỳ 1 quý/ lần
4. Báo cáo khai thác nước 1 tháng/ lần
5. Khai phí bảo vệ môi trường quý/ lần
6. Đo kiểm môi trường lao động hàng năm (Đo tiếng ồn, không khí xung quanh, ánh sáng...).

Tất cả các chỉ tiêu đều đạt, không vi phạm luật pháp và quy định về môi trường.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2018

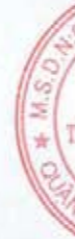


CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mối giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên (từ ngày 21/04/2018)
Ông Trần Trọng Triệu	Thành viên (từ ngày 21/04/2018)
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (từ ngày 21/04/2018)
Ông Hồ Phi Hải	Thành viên (đến ngày 21/04/2018)
Bà Trần Thị Linh	Thành viên (đến ngày 21/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/05/2018)
Ông Trần Trọng Triệu	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Huỳnh Giao	Trưởng ban (đến ngày 21/04/2018)
Bà Nguyễn Thị Thùy Liên	Thành viên (đến ngày 21/04/2018)

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 21 tháng 4 năm 2018 đã thông qua việc thay đổi mô hình quản trị công ty, chuyển từ mô hình Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hồ Đức Lam
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2019

190
CÔNG TY
NHỰA
RẠNG ĐÔNG
QUẬN 11
TP. HCM

C. T. T. A.
BAN
KIỂM
TOÁN
NỘI
BỘ



Số: 59a-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Lan
 Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0167-2018-152-1

Nguyễn Anh Tuấn
 Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		850.536.625.297	795.902.232.344
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.972.115.250	10.611.520.457
1. Tiền	111		21.972.115.250	10.611.520.457
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.437.500.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.437.500.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		448.896.342.799	527.291.848.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	386.358.887.368	304.255.009.532
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.489.620.018	42.410.301.079
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	15.222.628.650	181.878.831.594
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.252.293.770)	(1.252.293.770)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.077.500.533	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	327.109.381.992	240.853.439.446
1. Hàng tồn kho	141		327.882.096.389	242.399.535.483
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(772.714.397)	(1.546.096.037)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.121.285.256	17.145.424.006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	11.409.416.797	4.926.646.906
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.782.879.428	11.549.529.904
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	928.989.031	669.247.196
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		921.739.359.045	763.194.129.681
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.654.893.000	1.017.832.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	6.654.893.000	1.017.832.000
II. Tài sản cố định	220		763.663.629.967	433.225.215.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	554.800.188.190	263.120.643.278
- Nguyên giá	222		906.011.539.381	600.321.162.518
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.211.351.191)	(337.200.519.240)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	45.436.066.614	11.370.199.140
- Nguyên giá	225		63.777.310.156	18.605.780.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.341.243.542)	(7.235.581.276)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	163.427.375.163	158.734.373.313
- Nguyên giá	228		173.621.177.223	165.009.515.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.193.802.060)	(6.275.141.728)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		129.743.986.567	321.610.660.779
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	129.743.986.567	321.610.660.779
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.976.948.993	1.186.396.520
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.085.926.752	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		891.022.241	1.186.396.520
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.699.900.518	6.154.024.651
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	14.430.703.467	3.176.067.749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	2.269.197.051	2.977.956.902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.772.275.984.342	1.559.096.362.025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.225.793.042.073	1.024.702.635.583
I. Nợ ngắn hạn	310		813.534.100.273	727.311.236.710
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	174.837.713.263	162.729.752.312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12.034.194.618	5.871.936.641
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.224.713.328	46.648.022.320
4. Phải trả người lao động	314		3.725.877.480	5.076.515.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	16.369.604.636	10.478.938.908
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	36.430.408.588	22.723.223.029
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	560.498.233.882	472.241.064.460
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		413.354.478	1.541.783.568
II. Nợ dài hạn	330		412.258.941.800	297.391.398.873
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	407.189.639.798	296.942.199.071
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.18	5.069.302.002	449.199.802
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		546.482.942.269	534.393.726.442
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	546.732.942.269	534.662.990.442
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.428.620.000	282.860.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.428.620.000	282.860.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.638.570.000	25.638.570.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.705.099.697	68.705.099.697
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.765.976.759	69.229.945.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12.662.085.930	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.103.890.829	69.229.945.930
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		75.282.462.858	86.316.401.860
II. Nguồn kinh phí	430		(250.000.000)	(269.264.000)
1. Nguồn kinh phí	431		(250.000.000)	(269.264.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.772.275.984.342	1.559.096.362.025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Huỳnh Anh Kiệt

Hồ Đức Lam

Ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.560.702.567.371	1.336.342.026.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.773.381.403	14.104.191.852
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.551.929.185.968	1.322.237.834.210
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.412.105.646.614	1.214.207.936.335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.823.539.354	108.029.897.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.835.539.245	2.101.513.711
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	46.998.340.992	35.105.432.293
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.935.268.951	34.315.994.520
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		85.926.752	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	35.826.247.418	27.524.228.847
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	45.901.298.271	60.777.915.372
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.019.118.670	(13.276.164.926)
12. Thu nhập khác	31	VI.9	9.776.967.163	397.608.809
13. Chi phí khác	32	VI.10	620.227.559	24.020.241.997
14. Lợi nhuận khác	40		9.156.739.604	(23.622.633.188)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.175.858.274	(36.898.798.114)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	5.751.258.452	20.912.361.196
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	5.328.862.051	(2.528.757.100)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.095.737.771	(55.282.402.210)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		23.103.890.829	(54.789.880.689)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(11.008.153.058)	(492.521.521)
21. Lãi(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	681	(1.658)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Huỳnh Anh Kiệt

Hồ Đức Lam

Ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.175.858.274	(36.898.798.114)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	57.293.290.128	51.185.519.473
- Các khoản dự phòng	03	(773.381.640)	(930.817.383)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.128.817.430)	(332.502.403)
- Chi phí lãi vay	06	45.935.268.951	34.315.994.520
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	120.502.218.283	47.339.396.093
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(71.920.183.546)	(278.379.541.452)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(85.482.560.906)	13.655.550.109
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	167.849.631.456	229.704.185.213
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(17.737.405.809)	(2.596.080.529)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(42.666.839.061)	(34.641.963.453)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.650.844.947)	(13.959.780.307)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.134.951.034)	(2.543.622.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.759.064.637	(41.421.856.635)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(192.743.580.129)	(243.436.260.843)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	23.295.168.102	1.220.000.001
3. Tiền chi cho vay	23	(17.437.500.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	635.291.371	-
6. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	511.915.403	51.415.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(189.738.705.253)	(242.164.845.628)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	37.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.238.298.365.424	1.250.778.084.008
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.073.833.568.844)	(998.366.509.264)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(11.124.561.171)	(4.749.881.556)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(45.572.706.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	153.340.235.409	239.588.986.268
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.360.594.793	(43.997.715.994)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.611.520.457	54.609.236.451
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.972.115.250	10.611.520.457

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Huỳnh Anh Kiệt

Hồ Đức Lam

Ngày 25 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005 và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tài chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sản lắp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số Công ty con tại ngày 31/12/2018 là : 4 công ty.

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	65%	65%
Công ty CP Agriculture Rạng Đông	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	51%	0%
Công ty CP Trading Rạng Đông	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	0%
Công ty CP Rang Dong Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	0%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2018 là: 1 công ty, các công ty con còn lại không hợp nhất vì các công ty này Công ty chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động.

Công ty con được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp
Công Ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông Long An	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	65%	65%

Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2018 là : 1 công ty.

Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 1 công ty.

Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp
Công ty CP Tiếp vận Song Dững	190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP.HCM	Dịch vụ, vận tải	40%	40%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm/1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 10 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18884
CÔNG TY
NHỰA RẠNG ĐỒNG
VỤ TƯ
LÍNH KẾ
KIỂM TỐC
AM VIỆC
7P. HỒ

CÔNG TY
NHỰA RẠNG ĐỒNG
TÀI
VẤN
TOÁN
ÁN
CHỈ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.096.424.866	715.372.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.875.690.384	9.896.147.513
Cộng	21.972.115.250	10.611.520.457

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	17.437.500.000	17.437.500.000	-	-
Cộng	17.437.500.000	17.437.500.000	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	4.085.926.752	(*)	-	-	-	-
Công ty CP tiếp vận Song Dưng	4.085.926.752	(*)	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	891.022.241	1.813.506.920	-	1.186.396.520	2.106.774.720	-
Ngân hàng Eximbank (125.042 cổ phiếu)	890.624.321	1.813.109.000	-	1.185.998.600	2.106.376.800	-
Công ty CP Gò Vấp (11 cổ phiếu)	397.920	397.920	-	397.920	397.920	-
Cộng	4.976.948.993	1.813.506.920	-	1.186.396.520	2.106.774.720	-

(*) Tại ngày 31/12/2018, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Khánh Hưng	4.455.179.329	15.671.538.588
Công ty CP Công Nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa	19.787.529.300	-
Công ty Keyston Bros.	8.784.194.500	4.666.005.764
Phải thu các khách hàng thương mại khác	353.331.984.239	283.917.465.180
Cộng	386.358.887.368	304.255.009.532

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh Quý Long	2.925.398.841	5.720.000.000
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đại Đông	-	6.788.468.922
Bobst Mex SA	5.520.150.000	-
Trả trước cho người bán khác	38.044.071.177	29.901.832.157
Cộng	46.489.620.018	42.410.301.079

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	15.222.628.650	181.878.831.594
Tạm ứng	7.546.666.369	3.402.076.031
Ký quỹ, ký cược	5.983.928.392	2.612.341.987
Phải thu SOJITZ EUROPE PLC	-	174.375.000.000
Phải thu Reifenhauer Private LTD.	-	587.076.072
Lãi tiền gửi dự thu	433.505.727	-
Phải thu khác	1.258.528.162	902.337.504
Phải thu dài hạn khác	6.654.893.000	1.017.832.000
Ký cược, ký quỹ	6.654.893.000	1.017.832.000
Cộng	21.877.521.650	182.896.663.594

6. Nợ xấu

Đối tượng	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Wujiang Yige Import & Export co., Ltd	847.485.687	-	(847.485.687)	847.485.687	-	(847.485.687)
Các đối tượng khác	404.808.083	-	(404.808.083)	404.808.083	-	(404.808.083)
Cộng	1.252.293.770	-	(1.252.293.770)	1.252.293.770	-	(1.252.293.770)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.742.027.750	-	445.640.077	-
Nguyên liệu, vật liệu	239.861.328.437	(562.072.972)	167.331.499.773	(976.758.463)
Công cụ, dụng cụ	3.929.052.249	-	565.315.970	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.489.385.390	-	20.357.953.236	-
Thành phẩm	53.709.070.754	(210.641.425)	48.942.701.525	(569.337.574)
Hàng hoá	5.151.231.808	-	4.756.424.902	-
Cộng	327.882.096.389	(772.714.397)	242.399.535.483	(1.546.096.037)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	11.409.416.797	4.926.646.906
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.872.430.322	4.200.023.952
Chi phí bảo hiểm	297.483.750	23.991.430
Chi phí trả trước khác	6.239.502.725	702.631.524
Chi phí trả trước dài hạn	14.430.703.467	3.176.067.749
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.501.322.552	304.924.204
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.444.112.107	1.458.603.474
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.485.268.808	1.412.540.071
Cộng	25.840.120.264	8.102.714.655

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	73.791.114.605	294.152.651.864
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	3.701.254.400
- Mua nhà đất tại 159 Lạc Long Quân, P.3, Q.11	-	90.643.246
- Công trình xây dựng nhà máy bao bì số 1	2.839.678.049	2.839.678.049
- Xây dựng nhà máy (tại KCN Tân Đô - Long An)	67.250.182.156	287.521.076.169
Mua sắm tài sản cố định	55.952.871.962	27.458.008.915
Cộng	129.743.986.567	321.610.660.779



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐỒNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Số dư đầu năm	80.341.250.532	477.888.537.535	27.577.688.982	14.513.685.469	VND	600.321.162.518
Số tăng trong năm	279.176.190.575	58.767.998.834	28.099.854.793	9.947.392.957	VND	377.286.447.877
- Mua trong năm	-	10.101.502.630	10.238.654.530	810.921.636	VND	21.151.078.796
- Đầu tư XDCB hoàn thành	279.176.190.575	48.666.496.204	17.861.200.263	9.136.471.321	VND	354.840.358.363
- Phân loại lại	1.295.010.718	-	-	-	VND	1.295.010.718
Số giảm trong năm	-	64.161.790.419	7.063.355.614	370.924.981	VND	71.596.071.014
- Thanh lý, nhượng bán	-	64.161.790.419	5.768.344.896	370.924.981	VND	70.301.060.296
- Phân loại lại	-	-	1.295.010.718	-	VND	1.295.010.718
Số dư cuối năm	360.812.451.825	472.494.745.950	48.614.188.161	24.090.153.445	VND	906.011.539.381
Giá trị hao mòn lũy kế	35.661.316.202	277.705.413.570	15.436.636.052	8.397.153.416	VND	337.200.519.240
Số dư đầu năm	8.376.040.888	29.292.593.677	2.167.862.948	2.432.470.017	VND	42.268.967.530
Số tăng trong năm	8.376.040.888	29.292.593.677	2.167.862.948	2.432.470.017	VND	42.268.967.530
- Khấu hao trong năm	-	24.317.227.649	3.588.421.772	352.486.158	VND	28.258.135.579
Số giảm trong năm	-	24.317.227.649	3.588.421.772	352.486.158	VND	28.258.135.579
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	VND	-
Số dư cuối năm	44.037.357.090	282.680.779.598	14.016.077.228	10.477.137.275	VND	351.211.351.191
Giá trị còn lại	44.679.934.330	200.183.123.965	12.141.052.930	6.116.532.053	VND	263.120.643.278
Tại ngày đầu năm	316.775.094.735	189.813.966.352	34.598.110.933	13.613.016.170	VND	554.800.188.190
Tại ngày cuối năm					VND	

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	18.605.780.416
Số tăng trong năm	45.171.529.740
- Thuế tài chính trong năm	45.171.529.740
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	63.777.310.156
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.235.581.276
Khấu hao trong năm	11.105.662.266
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	18.341.243.542
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	11.370.199.140
Tại ngày cuối năm	45.436.066.614

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Hệ thống quản lý, hệ thống iso	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	164.482.301.461	-	527.213.580	165.009.515.041
Số tăng trong năm	5.209.662.182	3.402.000.000	-	8.611.662.182
- Mua trong năm	5.209.662.182	3.402.000.000	-	8.611.662.182
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	169.691.963.643	3.402.000.000	527.213.580	173.621.177.223
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.747.928.148	-	527.213.580	6.275.141.728
Khấu hao trong năm	3.918.660.332	-	-	3.918.660.332
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.666.588.480	-	527.213.580	10.193.802.060
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	158.734.373.313	-	-	158.734.373.313
Tại ngày cuối năm	160.025.375.163	3.402.000.000	-	163.427.375.163
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay 139.943.058.542 145.244.496.791

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
ITOCHU Corporation	1.848.203.388	7.860.222.000
ITOCHU Chemicals America Inc	13.360.480.152	-
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	-	6.824.934.845
Công ty CP xây lắp thương mại Chánh Phúc	25.097.895.570	12.622.721.313
Phải trả người bán khác	134.531.134.153	135.421.874.154
Cộng	174.837.713.263	162.729.752.312
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan		
Công ty CP tiếp vận Song Dũng	2.513.035.089	-

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trong nước	9.524.178.800	2.610.517.015
Người mua nước ngoài	2.510.015.818	3.261.419.626
Cộng	12.034.194.618	5.871.936.641

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	46.648.022.320	66.648.693.751	104.072.002.743	9.224.713.328
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.353.603.172	25.249.059.326	23.899.576.344	3.703.086.154
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	38.629.722.817	38.629.722.817	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.435.311.417	5.751.258.452	20.893.441.197	5.293.128.672
Thuế thu nhập cá nhân	54.709.290	133.365.925	170.817.833	17.257.382
Thuế tài nguyên	-	220.800	220.800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	23.804.398.441	(3.134.547.419)	20.458.809.902	211.241.120
Các loại thuế khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế phải thu	669.247.196	2.978.549.608	3.238.291.443	928.989.031
Thuế nhập khẩu	570.739.294	2.880.041.706	2.480.887.693	171.585.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	757.403.750	757.403.750
Thuế thu nhập cá nhân	98.507.902	98.507.902	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
16. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	6.910.345.181	3.641.915.291
Chi phí phải trả khác	9.459.259.455	6.837.023.617
Cộng	16.369.604.636	10.478.938.908
17. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	426.297.946	525.466.920
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	27.296.483	89.469.329
Cổ tức phải trả	125.025.324	125.025.324
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Phải trả khác	35.821.788.835	21.953.261.456
Cộng	36.430.408.588	22.723.223.029
18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.269.197.051	2.977.956.902
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.269.197.051	2.977.956.902
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.069.302.002	449.199.802
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.069.302.002	449.199.802
19. Vay và nợ thuế tài chính		
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	560.498.233.882	472.241.064.460
Vay ngắn hạn	503.309.887.129	442.281.469.436
Vay dài hạn đến hạn trả	44.246.289.122	25.209.713.468
Nợ thuế tài chính	12.942.057.631	4.749.881.556
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	407.189.639.798	296.942.199.071
Vay dài hạn	376.987.944.221	292.588.140.988
Nợ thuế tài chính	30.201.695.577	4.354.058.083
Cộng	967.687.873.680	769.183.263.531

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

A. Chi tiết vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
A) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	472.241.064.460	1.148.970.378.268	1.060.713.208.846	560.498.233.882
Vay ngắn hạn	442.281.469.436	1.091.782.031.515	1.030.753.613.822	503.309.887.129
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng	30.327.784.919	67.348.584.624	90.997.881.729	6.678.487.814
Ngân hàng Sinopac (a)	90.225.429.994	257.951.299.940	206.484.382.881	141.692.347.053
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	20.257.521.751	-	20.257.521.751	-
Ngân hàng HSBC	-	31.779.362.380	31.779.362.380	-
Ngân hàng ANZ	117.367.067.050	284.453.350.386	285.638.217.249	116.182.200.187
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (c)	15.934.129.816	-	15.934.129.816	-
Ngân hàng Eximbank	114.898.399.803	231.989.923.862	253.983.648.204	92.904.675.461
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (d)	11.388.334.743	35.524.832.472	12.098.604.303	34.814.562.912
Ngân hàng TMCP Quân Đội (e)	41.608.022.359	86.006.011.723	86.073.548.090	41.540.485.992
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam (f)	-	96.728.666.128	27.231.538.419	69.497.127.709
Ngân hàng Maybank (g)	-	-	-	-
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng Long An	274.779.000	-	274.779.000	-
Vay cá nhân	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	25.209.713.468	44.246.289.122	25.209.713.468	44.246.289.122
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng	3.508.000.000	3.508.000.000	3.508.000.000	3.508.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (h)	1.840.000.000	1.840.000.000	1.840.000.000	1.840.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM (i)	10.302.307.692	10.302.307.692	10.302.307.692	10.302.307.692
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (j)	4.847.634.216	4.847.634.120	4.847.634.216	4.847.634.120
Ngân hàng TMCP Quân Đội (k)	3.576.632.520	-	3.576.632.520	-
Ngân hàng ANZ	1.135.139.040	-	1.135.139.040	-
Ngân hàng Eximbank	-	-	-	-
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng Long An	-	23.748.347.310	-	23.748.347.310
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (m)	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính	4.749.881.556	12.942.057.631	4.749.881.556	12.942.057.631
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (n)	4.749.881.556	12.942.057.631	4.749.881.556	12.942.057.631

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (a) Vay ngắn hạn ngân hàng Sinopac theo hợp đồng tín dụng số 181076 ngày 25/12/2018. Hạn mức vay 2.000.000 USD. Thời hạn cấp tín dụng đến 31/12/2019. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 6.678.487.814 đồng.
- (b) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/94739/HBTD ngày 08/08/2018. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng: Máy in phủ 3 màu, máy cắt dán túi, máy in ống đồng, máy đùn thổi màng 3 lớp, máy dệt kim tròn, thiết bị kiểm tra độ thấm thấu. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 141.692.347.053 đồng.
- (c) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 18.3420103/2018-HETDHM/NHCT900-RANGDONG ngày 26/11/2018. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến 25/11/2019. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 116.182.200.187 đồng.
- (d) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0134/1838/N-KD/01 ngày 26/09/2018. Hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 92.904.675.461 đồng.
- (e) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng số 36016.18.110.4420276.TD ngày 10/10/2018. Hạn mức cho vay 50 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Biên pháp đảm bảo: hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm... Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 34.814.562.912 đồng.
- (f) Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam theo hợp đồng tín dụng ngày 14/09/2017 và các phụ lục gia hạn kèm theo. Hạn mức cho vay 2.000.000 USD. Thời hạn vay tối đa không quá 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Vay tín chấp. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 41.540.485.992 đồng.
- (g) Vay ngắn hạn ngân hàng Maybank theo hợp đồng tín dụng số MILB/BMT/KAR/SAFE/VIETNAM/2018/04/2018-44 ngày 14/04/2018. Hạn mức cho vay 3.000.000 USD. Thời hạn vay tối đa không quá 120 ngày kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 0,07%/tháng. Vay để mua hàng/nhập khẩu các nguyên vật liệu/hàng hóa, thanh toán hối phiếu theo LC. Vay tín chấp. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 69.497.127.709 đồng.

24



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B. Chi tiết vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	01/01/2018		Tăng		Giảm		31/12/2018	
	VND		VND		VND		VND	
B) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	296.942.199.071	167.916.499.411	167.916.499.411	57.669.058.684	407.189.639.798			
Vay dài hạn	292.588.140.988	122.767.986.599	122.767.986.599	38.368.183.366	376.987.944.221			
Công ty CP Nhựa Rạng Đông	7.878.448.800	-	-	3.508.000.000	4.370.448.800			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (h)	5.010.000.000	-	-	1.840.000.000	3.170.000.000			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	46.355.335.976	-	-	10.302.307.692	36.053.028.284			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (j)	7.675.420.834	-	-	5.847.634.120	1.827.786.714			
Ngân hàng TMCP Quân Đội (k)	7.451.317.754	-	-	7.451.317.754	-			
Ngân hàng ANZ	1.418.923.800	-	-	1.418.923.800	-			
Ngân hàng Eximbank	-	-	-	-	-			
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	216.798.693.824	122.767.986.599	122.767.986.599	8.000.000.000	331.566.680.423			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (m)	4.354.058.083	45.148.512.812	45.148.512.812	19.300.875.318	30.201.695.577			
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.354.058.083	22.444.184.912	22.444.184.912	9.472.907.286	17.325.335.709			
Công ty CP Nhựa Rạng Đông	-	22.704.327.900	22.704.327.900	9.827.968.032	12.876.359.868			
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (n)	-	-	-	-	-			
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	-	-	-	-	-			
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (n)	-	-	-	-	-			
(h) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 45/2013/94739/HBTD-TD ngày 04/07/2013. Hạn mức cho vay 25.298.000.000 đồng. Thời hạn cho vay đến tháng 2/2021. Lãi suất vay được điều chỉnh theo lãi suất thị trường từ 6 đến 12 tháng. Vay để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Đầu tư Máy sản xuất màng bao bì. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất thuộc xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 7.878.448.800 đồng (trong đó 3.508.000.000 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn).								
(i) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 15.2110039/2015-HETDDA/NHCT900-RANGDONG ngày 17/04/2015. Thời hạn cho vay đến tháng 7/2021. Lãi suất vay được điều chỉnh theo lãi suất thị trường từ 3 đến 6 tháng. Vay để xây dựng nhà máy nhựa Tiên Sơn. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất thuộc xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 5.010.000.000 đồng (trong đó 1.840.000.000 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn).								
(j) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 0078/KHDN/16DH ngày 13/04/2016. Hạn mức cho vay 66.965.000.000 đồng. Thời hạn cho vay đến tháng 4/2023. Lãi suất vay được điều chỉnh theo lãi suất thị trường từ 3 đến 6 tháng. Vay để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc nhận chuyển nhượng QSDĐ tại KCN Tân Đô, huyện Đức-Hòa, tỉnh Long An. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc phương án đầu tư là QSDĐ 82.820 m ² đất tại KCN Tân Đô, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 46.355.335.976 đồng (trong đó 10.302.307.692 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn).								

25



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (k) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng số 17.15.110.316436.TD ngày 20/04/2015. Thời hạn cho vay đến tháng 7/2020. Lãi suất vay được điều chỉnh theo lãi suất thị trường từ 6 đến 12 tháng. Vay để thanh toán nhập khẩu máy đun thổi màng 5 lớp theo hợp đồng mua bán số 3489/HD-DT. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 6.675.420.834 đồng (trong đó 4.847.634.120 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn).
- (m) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 0221/KHDN1/DH ngày 14/12/2016. Vả hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/SDBBS-RLP/2017 ngày 31/7/2017. Thời hạn cho vay là 10 năm cho đến ngày 11/01/2027. Lãi suất vay năm đầu tiên là 7,5%, trong 2 năm tiếp theo lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 2%/năm, các năm còn lại cộng biên độ 2,2%/năm. Vay để xây dựng nhà máy tại tỉnh Long An. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án được hình thành từ vốn tự có, vốn vay và vốn huy động khác của dự án. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2018 là 355.315.027.733 đồng (trong đó 23.748.347.310 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn).

- (n) Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 2016-00175-000, ngày 01/11/2016, thời hạn thuê là 36 tháng từ ngày 17/11/2016. Lãi suất thuê thay đổi theo từng tháng theo lãi suất tiền gửi 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng lãi suất chỉ định.
- Hợp đồng thuê tài chính số 2018-00153-000, ngày 27/08/2018, thời hạn thuê là 60 tháng từ ngày 29/08/2018. Lãi suất thuê thay đổi theo từng tháng theo lãi suất tiền gửi 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng lãi suất chỉ định.
- Hợp đồng thuê tài chính số 2018-00038-000 ngày 23/03/2018, thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày 02/04/2018. Lãi suất thuê thay đổi theo từng tháng theo lãi suất tiền gửi 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng lãi suất chỉ định.

Chi tiết phải trả nợ thuê tài chính như sau :

Thời hạn	31/12/2018		01/01/2018		Đơn vị tính : đồng
	Tổng tiền thanh toán	Tiền trả lãi thuê	Tổng tiền thanh toán	Trả tiền lãi thuê	
Từ 1 năm trở xuống	14.636.704.098	1.694.646.467	5.325.101.026	575.219.470	4.749.881.556
Trên 1 năm đến 5 năm	34.130.041.235	3.928.345.658	4.534.287.509	180.229.426	4.354.058.083
Trên 5 năm	-	-	-	-	-
Cộng	48.766.745.333	5.622.992.125	9.859.388.535	755.448.896	9.103.939.639

26



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RANG ĐỒNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát							
Số dư đầu năm trước	228.486.410.000	25.638.570.000	1.912.212.955	62.798.474.890	107.470.188.319	-	426.305.856.164						
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	54.374.350.000				(54.374.350.000)								
Lỗ trong năm trước					(54.789.880.689)		(492.521.521)						(55.282.402.210)
Lợi nhuận từ thoái một phần vốn trong công ty con vẫn giữ quyền kiểm soát					124.019.826.619		(691.076.619)						123.328.750.000
Vốn của cổ đông không kiểm soát									87.500.000.000				87.500.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2016				5.906.624.807				(5.906.624.807)					
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2016								(1.592.059.000)					(1.592.059.000)
Chia bổ sung cổ tức năm 2016								(45.597.154.512)					(45.597.154.512)
Số dư cuối năm trước	282.860.760.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	69.229.945.930	86.316.401.860	534.662.990.442						
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.567.860.000				(56.567.860.000)								
Lãi/lỗ trong năm nay					23.103.890.829			(11.033.939.002)					12.069.951.827
Số dư cuối năm nay	339.428.620.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	35.765.976.759	75.282.462.858	546.732.942.269						

27



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	339.428.620.000	100	282.860.760.000	100
Cộng	339.428.620.000	100	282.860.760.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	282.860.760.000	228.486.410.000
Vốn góp tăng trong năm	56.567.860.000	54.374.350.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	339.428.620.000	282.860.760.000
Cổ tức đã chia	56.567.860.000	99.971.504.512
- Bằng cổ phiếu	56.567.860.000	54.374.350.000
- Bằng tiền	-	45.597.154.512

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.942.862	28.286.076
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.942.862	28.286.076
- Cổ phiếu phổ thông	33.942.862	28.286.076
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.942.862	28.286.076
- Cổ phiếu phổ thông	33.942.862	28.286.076

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	31/12/2018	01/01/2018
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	3.169.661.965	11.735.128.879
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	1.838.013.214	1.838.013.214
Ngoại tệ các loại			
Trong đó: - Đô la Mỹ	USD	102.237,53	72.291,60
- Euro	EUR	295,62	295,62

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	804.398.452.741	872.536.862.947
Doanh thu bán hàng hóa	717.434.900.517	460.494.681.735
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.869.214.113	3.310.481.380
Cộng	1.560.702.567.371	1.336.342.026.062

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	2.355.153.451	650.409.357
Giảm giá hàng bán	1.734.520.976	3.867.553.759
Hàng bán bị trả lại	4.683.706.976	9.586.228.736
Cộng	8.773.381.403	14.104.191.852

3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.551.929.185.968	1.322.237.834.210
Cộng	1.551.929.185.968	1.322.237.834.210

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	719.437.147.147	782.261.512.367
Giá vốn của hàng hoá đã bán	688.465.892.609	431.946.423.968
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.202.606.858	-
Cộng	1.412.105.646.614	1.214.207.936.335

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	945.421.130	51.415.214
Lãi bán các khoản đầu tư	339.917.092	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.550.201.023	2.050.098.497
Cộng	2.835.539.245	2.101.513.711

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	45.935.268.951	34.315.994.520
Chiết khấu thanh toán	-	225.206.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá	889.651.215	564.230.777
Chi phí tài chính khác	173.420.826	-
Cộng	46.998.340.992	35.105.432.293

7. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	12.297.031.543	8.969.349.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	602.578.294	1.094.126.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.391.651.659	11.798.011.967
Chi phí bán hàng khác	3.534.985.922	5.662.740.299
Cộng	35.826.247.418	27.524.228.847

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	17.758.363.450	28.298.654.659
Chi phí dụng cụ, vật tư quản lý	2.053.899.562	2.294.348.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.387.792.655	6.199.791.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.495.749.544	8.190.867.367
Chi phí bằng tiền khác	8.205.493.060	15.794.252.545
Cộng	45.901.298.271	60.777.915.372

9. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.757.552.456	281.087.189
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	1.466.804	115.493.700
Thu nhập khác	6.017.947.903	1.027.920
Cộng	9.776.967.163	397.608.809

10. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt hành chính	611.668.552	69.200.000
Tiền thuê đất nộp bổ sung theo thông báo của cơ quan thuế	-	23.804.398.441
Chi phí khác	8.559.007	146.643.556
Cộng	620.227.559	24.020.241.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.751.258.452	20.912.361.196
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.751.258.452	20.912.361.196

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.620.102.200	449.199.802
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(2.977.956.902)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	708.759.851	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.328.862.051	(2.528.757.100)

13. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	23.103.890.829	(54.789.880.689)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông công ty mẹ	23.103.890.829	(54.789.880.689)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	33.942.862	33.036.623
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	681	(1.658)

Ghi chú: Lỗ cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do trong năm Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2018 không có kế hoạch trích quỹ này.

14. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	754.909.912.093	642.197.356.803
Chi phí nhân công	94.826.253.805	81.343.175.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.293.290.128	51.185.519.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.778.429.024	91.258.059.249
Chi phí khác bằng tiền	21.748.519.185	17.967.410.962
Cộng	978.556.404.235	883.951.522.425

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

	Năm nay VND
Tăng vốn trong năm bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.567.860.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh ở trên, Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty CP Tiếp vận Song Dũng	Công ty liên kết	Bán tài sản cố định Thuê vận chuyển Dịch vụ xuất, nhập hàng	2.636.363.637 17.488.426.666 4.681.701.232

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, thù lao và các khoản phúc lợi khác	3.917.882.853	2.807.105.961

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.972.115.250	10.611.520.457	21.972.115.250	10.611.520.457
Phải thu khách hàng và phải thu khác	399.437.448.879	482.497.303.325	399.437.448.879	482.497.303.325
Đầu tư tài chính	891.022.241	1.186.396.520	1.813.506.920	2.108.774.720
Cộng	422.300.586.370	494.295.220.302	423.223.071.049	495.215.598.502
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	967.687.873.680	769.183.263.531	967.687.873.680	769.183.263.531
Phải trả người bán	174.837.713.263	162.729.752.312	174.837.713.263	162.729.752.312
Chi phí phải trả	16.369.604.636	10.478.938.908	16.369.604.636	10.478.938.908
Phải trả khác	35.976.814.159	22.108.286.780	35.976.814.159	22.108.286.780
Cộng	1.194.872.005.738	964.500.241.531	1.194.872.005.738	964.500.241.531

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, đầu tư góp vốn dài hạn khác do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được trình bày bằng giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đang có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2018 và vào ngày 31/12/2017 (xem thuyết minh V.10, V.12, V.19). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2018 và vào ngày 31/12/2017.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối năm	787.682.365.940	407.189.639.798	1.194.872.005.738
Các khoản vay	560.498.233.882	407.189.639.798	967.687.873.680
Phải trả người bán	174.837.713.263	-	174.837.713.263
Chi phí phải trả	16.369.604.636	-	16.369.604.636
Phải trả khác	35.976.814.159	-	35.976.814.159
Số đầu năm	667.558.042.460	296.942.199.071	964.500.241.531
Các khoản vay	472.241.064.460	296.942.199.071	769.183.263.531
Phải trả người bán	162.729.752.312	-	162.729.752.312
Chi phí phải trả	10.478.938.908	-	10.478.938.908
Phải trả khác	22.108.286.780	-	22.108.286.780

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Số: *25* /CV-TCKT
V/v giải trình chênh lệch giữa BCTCHN
trước và sau kiểm toán năm 2018

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2019

**KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông
- Mã chứng khoán: RDP
- Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, phường 3, Quận 11, TP.HCM
- Điện thoại: 36962272 Fax: 39692843

Liên quan tới khoản chênh lệch giữa báo cáo tài chính hợp nhất do Rạng Đông lập và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và kiểm Toán Nam Việt

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (trước kiểm toán)	Năm 2018 (đã kiểm toán)	chênh lệch
	Tổng LN hợp nhất sau thuế.	6.886.314.187	12.095.737.771	5.209.423.584

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của công ty năm 2018, lũy kế lợi nhuận hợp nhất sau thuế là 6.886.314.187 đồng. Tuy nhiên trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty năm 2018 đã được kiểm toán, lợi nhuận hợp nhất sau thuế là 12.095.737.771 đồng, chênh lệch tăng 5.209.423.584 đồng so với báo cáo trước kiểm toán. Nguyên nhân lệch lệch này do:

- 1/ Giảm giá vốn hàng bán do tính lại khấu hao tài sản cố định khi hợp nhất: 1.782.693.873 đồng.
- 2/ Doanh thu hoạt tài chính tăng do trích trước lãi tiền gửi và đánh giá lại tỷ giá: 743.539.805 đồng
- 3/ Tăng chi phí bán hàng do trích bổ sung chi phí vận chuyển: 685.424.500 đồng.
- 4/ Tăng lãi từ thu nhập khác do các khoản lãi chưa thực hiện của năm trước đã được thực hiện trong năm nay khi hợp nhất 4.806.407.906 đồng.

Trên đây là nội dung giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của BCTC hợp nhất đã kiểm toán so với số liệu trước kiểm toán của công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CP NHỰA RẠNG ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Đức Lam

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Rạng đông[®] HOLDINGS

Trụ sở : 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84-28) 3969 2272

Fax : (84-28) 3969 2843

E-mail : nhuarangdong@rdplastic.vn

Website : www.rdplastic.com.vn | www.rangdongshop.com

Facebook : www.facebook.com/rdplastic

Tax : **0300384357**

